



TẦNG 12, TÒA NHÀ VINAMILK TOWER
SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7
TP. HỒ CHÍ MINH



INFO@ASIAGROUP-VN.COM



(+84) 28 5411 1557



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

“ ĐỐI TÁC TIN CẬY CỦA BẠN ”



CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

DẪN ĐẦU

NGUYÊN LIỆU

ƯU VIỆT

CÔNG NGHỆ

TIÊN PHONG

NGHIÊN CỨU



YOUR TRUE PARTNER

ĐỐI TÁC TIN CẬY CỦA BẠN

ĐIỂM NHẤN
**NĂM
2020**

AIG TIẾN RA BIỂN LỚN

**Doanh thu thuần
(Hợp nhất)**

6.532
tỷ đồng

**Lợi nhuận trước
thuế (Hợp nhất)**

595
tỷ đồng

**Lợi nhuận sau thuế
(Hợp nhất)**

510
tỷ đồng

**Thu nhập bình quân
người lao động**

344
triệu đồng/năm

Số lượng công ty con

10
công ty

LỢI THẾ CẠNH TRANH

- Vị trí dẫn đầu trong ngành nguyên liệu thực phẩm nói chung và các lĩnh vực mà các công ty thành viên đang tham gia nói riêng;
- Các công ty thành viên xây dựng uy tín lâu năm trên thị trường;
- Có cơ sở vật chất, hạ tầng đầy đủ, tài chính vững vàng;
- Sự minh bạch trong quản trị;
- Có đội ngũ dày dặn kinh nghiệm và chính trực.

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị Cổ Đông!

Gần 20 năm hình thành và phát triển, chặng đường mang nhiều dấu ấn của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên Tập đoàn Nguyên liệu Á Châu AIG (ASIA Group). Với xuất phát điểm là NHÀ THƯƠNG MẠI, sau đó là NHÀ SẢN XUẤT và không ngừng nâng cao vị thế thông qua việc đầu tư TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU để mang đến sản phẩm và dịch vụ tối ưu cho khách hàng.

Chúng tôi tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nhằm tối ưu hóa nguồn nguyên liệu dồi dào và phong phú của "Dải đất hình chữ S", nhằm nâng cao hơn nữa giá trị nguyên liệu Việt Nam tại thị trường trong nước cũng như quốc tế, đồng thời giúp ổn định đời sống người nông dân Việt Nam. Bên cạnh việc tạo lập công ty vững mạnh, mang đến lợi ích cao nhất cho cổ đông, đem đến cuộc sống ổn định cho nhân viên, chúng tôi luôn cam kết hành động và đóng góp nhiều hơn nữa cho cộng đồng.

Kính chúc Quý vị
SỨC KHỎE – HẠNH PHÚC – THÀNH CÔNG!

Nguyễn Thiên Trúc - Chủ tịch HĐQT Asia Group





MỤC LỤC

PHẦN I
THÔNG TIN CHUNG

PHẦN II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

PHẦN III
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

PHẦN IV
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẦN V
QUẢN TRỊ CÔNG TY

PHẦN VI
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHẦN VII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

- 11 THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- 13 TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI
- 15 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN
- 17 NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH
- 19 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ
- 27 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- 29 CÁC RỦI RO



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG
TÊN TIẾNG ANH	AIG ASIA INGREDIENTS CORPORATION
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐKDN SỐ	0314524981 DO SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP LẦN ĐẦU NGÀY 19/07/2017, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI LẦN THỨ 8 NGÀY 16/07/2020
VỐN ĐIỀU LỆ	1.706.012.980.000 ĐỒNG
ĐỊA CHỈ	PHÒNG SỐ 3, TẦNG 12, TÒA NHÀ VINAMILK TOWER, SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
SỐ ĐIỆN THOẠI	(028) 5411 1557
SỐ FAX	(028) 5411 1667
WEBSITE	WWW.ASIAGROUP-VN.COM
EMAIL	INFO@ASIAGROUP-VN.COM

ASIA GROUP

TẬP ĐOÀN HÀNG ĐẦU VIỆT NAM CHUYÊN CUNG CẤP GIẢI PHÁP KỸ THUẬT, NGUYÊN LIỆU VÀ CÁC SẢN PHẨM DINH DƯỠNG TRONG LĨNH VỰC THỰC PHẨM



TÂM NHÌN, SỨ MỆNH & GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TÂM NHÌN

Asia Group xác định tầm nhìn chiến lược phát triển như sau:

- Duy trì vị thế là nhà phân phối nguyên liệu thực phẩm hàng đầu Việt Nam.
- Trở thành nhà cung cấp giải pháp kỹ thuật, nguyên liệu và các sản phẩm dinh dưỡng chuyên nghiệp nhất Việt Nam.
- Là đối tác không thể thiếu của các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm trong nước và quốc tế.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Asia Group từ khi khởi dựng đã là một đơn vị phân phối nguyên liệu thực phẩm với phương châm "Giúp mình, Giúp người, Giúp đời". Văn hóa của sự chuyên nghiệp thể hiện qua sáu giá trị cốt lõi sau:

- **Đạo đức:** Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức.
- **Chính trực:** Lời nói đi đôi với việc làm, lời nói của tôi là chính tôi.
- **Tôn trọng:** Tôn trọng công ty và các quy định. Tôn trọng chính mình và tôn trọng lẫn nhau. Tôn trọng khi trao đổi, khi cùng làm việc và khi tranh luận.
- **Sáng tạo:** Thế giới không ngừng thay đổi, chúng ta phải không ngừng sáng tạo để tạo ra những giá trị gia tăng.
- **Hợp tác:** Mỗi người cần hợp tác với các thành viên khác để giải quyết công việc và tạo ra kết quả cho cá nhân, bộ phận và công ty.
- **Chia sẻ:** Không chỉ chia sẻ thành tựu với cộng sự, đồng nghiệp mà còn chia sẻ khó khăn, chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và môi trường.

SỨ MỆNH

Với tầm nhìn trở thành Tập đoàn dẫn đầu trong lĩnh vực phân phối nguyên liệu thực phẩm, Asia Group xác định sứ mệnh:

- Mang đến cho đối tác những giải pháp kỹ thuật và nguyên liệu tối ưu, tiên tiến nhất nhằm cùng tạo ra những sản phẩm chất lượng góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng.
- Tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp với những cơ hội phát triển toàn diện cho toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Mang lại lợi ích bền vững cho cổ đông và đối tác.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

- **Nhân văn:** tạo lập môi trường nhân văn nơi phát triển và gắn kết nhân sự là các ưu tiên hàng đầu của chúng tôi.
- **Cân bằng công việc – cuộc sống:** chú trọng xây dựng hoạt động thể chất và tinh thần, giúp nhân viên cân bằng trong công việc và cuộc sống.
- **Phát triển nghề nghiệp:** tạo điều kiện để nhân viên làm đúng chuyên môn, kỹ năng và có lộ trình phát triển sự nghiệp rõ ràng tại Asia Group.
- **Đam mê sáng tạo:** khuyến khích tinh thần đam mê, sáng tạo và hơn hết là niềm tự hào và gắn kết trong từng bộ phận, tổ chức.



GIÚP MÌNH - GIÚP NGƯỜI - GIÚP ĐỜI



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

2001

2004

2007

2009

2011

2014

2015

2016

2017

2018

2019 - NAY



2001 Thành lập CTL

2004 Đổi tên thành ATL

2007 ATL đổi tên thành "ACC - Hóa chất Á Châu"

2009 Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bột kem không sữa AFI - Asia Saigon Food Ingredients

2011 Mekong Enterprise Fund II đầu tư vào ACC

2014 PENM Partner Capital đầu tư vào ACC

2015 Xây dựng, đầu tư: ACP, AIC, GF

2016 Đầu tư nhà máy chế biến nông sản APIS

2017 Thành lập ASIA GROUP.

2018 NewQuest Capital Partners đầu tư vào Tập đoàn Á Châu. Đầu tư nhà máy chế biến tinh bột sắn AHS - Asia Hoa Son Corporation. Hợp nhất 8 công ty thành viên. Thành lập Trung tâm nghiên cứu.

2019 - NAY Vốn điều lệ: 1.706 tỷ đồng, 10 công ty thành viên, 1 trung tâm nghiên cứu, 2 Quỹ đầu tư



NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH & ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Phân phối - sản xuất nguyên liệu thực phẩm;
- Phân phối nguyên liệu sữa;
- Phân phối nguyên liệu bánh kẹo;
- Phân phối nguyên liệu dược phẩm và mỹ phẩm;
- Phân phối nguyên liệu thực phẩm tiện dụng;
- Phân phối nguyên liệu chế biến thịt và thủy sản;
- Phân phối hàng tiêu dùng;
- Phân phối nguyên liệu ngành food service;
- Phân phối nguyên liệu ngành hóa chất công nghiệp;
- Nghiên cứu, phát triển các giải pháp kỹ thuật và dịch vụ;
- Sản xuất các sản phẩm dừa;
- Sản xuất tinh bột sắn và đường nha;
- Dịch vụ kho lạnh.

ASIA GROUP
Thị trường chính của Tập đoàn trải dài lãnh thổ Việt Nam và các thị trường nước ngoài.

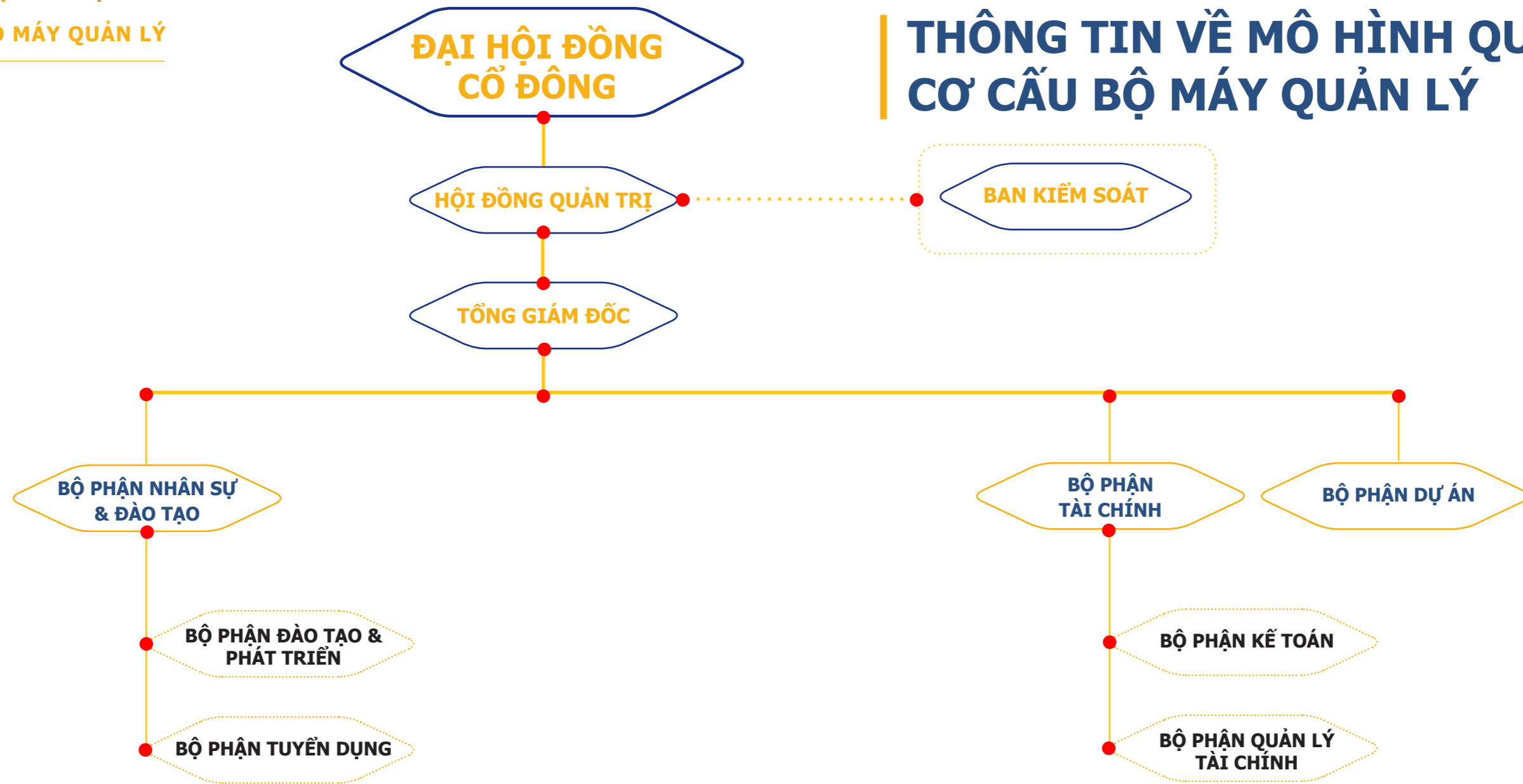
CÁC SẢN PHẨM CHÍNH



ĐỐI TÁC



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

CHỨC NĂNG CỦA CÁC PHÒNG BAN



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

YOUR TRUE PARTNER

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- Mức cổ tức đối với từng loại cổ phần;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
- Lựa chọn các Công ty kiểm toán độc lập;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; số lượng Kiểm soát viên; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- Chính sách chi trả thù lao, tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ Công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- Thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- Thay đổi Vốn Điều lệ của Công ty;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông;
- Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh Nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người Quản Lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông;
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người Quản Lý khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công ty.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền nhân danh Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- Quyết định ngân sách và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ; Bổ nhiệm, miễn nhiệm người đại diện theo ủy quyền làm Chủ tịch Công ty, hoặc tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng Cổ đông ở Công ty khác;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người Quản Lý khác;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người Quản Lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người Quản Lý đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán theo từng loại;
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu Công ty;
- Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty lên Đại hội đồng Cổ đông;
- Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).



TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;
- Quyết định các vấn đề không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

CÁC PHÒNG BAN

Bộ phận Nhân sự:

- Hoạch định và triển khai thực hiện các chiến lược phát triển nhân sự của Tập đoàn và các Công ty thành viên;
- Tổ chức các hoạt động đào tạo, phát triển nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của cả Tập đoàn.
- Tuyển dụng nhân sự của Tập đoàn, các nhân sự quản lý chủ chốt của các Công ty thành viên.

Bộ phận Tài chính – Kế toán:

- Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong công tác quản lý tài chính kế toán, quản lý nguồn vốn và tài sản, kiểm tra, kiểm soát, quản lý chi phí và phân tích các hoạt động của Tập đoàn;
- Xây dựng, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm của Tập đoàn;
- Tổ chức công tác kế toán, thống kê và bộ máy kế toán thống kê theo Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam;
- Xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng nguồn vốn của Tập đoàn, các phương án về thay đổi cơ cấu vốn, tài sản, điều hòa nguồn vốn trong Tập đoàn phù hợp với chiến lược kinh doanh chung;
- Quản lý tài sản, nguồn vốn và các nguồn lực tài chính của Tập đoàn, tổ chức kiểm tra định kỳ, phản ánh chính xác, kịp thời tình trạng tài sản và đề xuất các giải pháp xử lý, sử dụng tài sản, nguồn vốn có hiệu quả;
- Quản lý chi phí, thực hiện các báo cáo quản trị và phân tích các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn để trình Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị đưa ra những quyết định cần thiết và kịp thời.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CƠ CẤU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
CTCP Hóa chất Á Châu (ACC)	Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, và bánh kẹo.	Trực tiếp	96,34%
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (AFI)	Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.	Trực tiếp	64,01%
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu (ACP)	Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long – Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa).	Trực tiếp	73,42%
Công ty Cổ phần Apis (APIS)	Lô số 18A VSIP II – A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.	Trực tiếp	76,96%
Công ty TNHH Thực Phẩm (AFC)	Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm.	Trực tiếp	100,00%
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn (AHS)	Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột, sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	Trực tiếp	65,00%
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu (AIC)	Phòng số 04, tầng 12, tòa nhà Vinamilk Tower, Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Trực tiếp	99,98%
Asia Chemical Corporation (ACC) Pte.Ltd (ACC PTE)	138 Cecil Street, #08 – 03 Cecil Court, Singapore (069538)	Tư vấn doanh nghiệp và quản lý, kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung)	Gián tiếp	96,34%
Công ty Cổ phần ARC Bình Dương (ARC)	Lô G7, Đường số 6, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Kinh doanh kho bãi và lưu trữ hàng hóa, dịch vụ đóng gói, vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Gián tiếp	63,98%
Công ty TNHH Á Châu Healthcare (AHC)	Số 01, Đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	Gián tiếp	91,52%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Mở rộng và đa dạng hóa sang những lĩnh vực kinh doanh mang lại giá trị tích hợp cho cả Tập đoàn trong chuỗi giá trị của mình;

Tăng cường hợp tác trong việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm, xu hướng mới nhằm đưa ra những giải pháp về sản phẩm phù hợp nhằm thu hút cả khách hàng truyền thống và khách hàng mới;

Chuẩn hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, cập nhật liên tục những xu hướng mới, làm việc sâu sát hơn với khách hàng là nhà sản xuất, nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường.

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh nguyên liệu ở Việt Nam với doanh số tăng gấp đôi trong 5 năm tới;

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng với dây chuyền sản xuất hiện đại được chọn lọc từ Châu Âu và các nước tiên tiến; tối ưu hóa mô hình quản lý chuỗi cung ứng (kho bãi, quầy kệ, máy móc thiết bị vận hành kho, quy trình quản lý hàng hóa... nhằm sử dụng hiệu quả chi phí, tối đa hóa lợi nhuận;

Ưu tiên phát triển năng lực của đội ngũ quản lý nòng cốt sẽ được ưu tiên trong thời gian tới, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn nhằm tối đa hóa giá trị Công ty;

Nắm bắt được xu thế thay đổi và có những kế hoạch phát triển phù hợp nhằm tạo được những bước tiến dài và bền vững trên con đường kinh doanh của mình; loại bỏ những quy trình, thủ tục cản trở sự phát triển Công ty và chú trọng phát triển công nghệ hiện đại phục vụ kinh doanh hiệu quả hơn nhằm mang đến sự hài lòng tuyệt đối cho khách hàng.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, luôn hướng đến mục tiêu phát triển xanh bằng việc áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, các giải pháp tiết kiệm nguyên – nhiên vật liệu, năng lượng trong sản xuất;

Liên tục đầu tư, đổi mới dây chuyền sản xuất, hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, đạt chuẩn quốc tế, thân thiện với môi trường nhằm nâng cao năng lực sản xuất, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và hạn chế ảnh hưởng đến môi trường;

Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng bằng cách hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn hoạt động, đóng góp giá trị thiết thực cho cộng đồng xã hội.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Dưới ảnh hưởng của dịch Covid-19, nền kinh tế toàn cầu trải qua thời kỳ tăng trưởng âm. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), nền kinh tế toàn cầu giảm khoảng 4,4% trong năm 2020, trong khi nền kinh tế lớn nhất thế giới Mỹ giảm 4,3% trong năm nay. Trước những biến động lớn của thế giới, Việt Nam vẫn đạt được những thành tựu tích cực như: sự lãnh đạo hiệu quả trong phòng chống dịch Covid-19; Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) chính thức đi vào hiệu lực từ ngày 01/08/2020; sự quá triệt và thực hiện tốt chủ trương về thực hiện mục tiêu kép “vừa sẵn sàng chống dịch, vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ. Vì vậy, theo Tổng Cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng trưởng 2,91% trong năm 2020. Các chỉ số khác như chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số lạm phát đều đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%.

Đối với ngành nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp năm 2020 gặp nhiều khó khăn do tác động của hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu và tiêu thụ nông sản. Trong khi đó, khu vực nông nghiệp đóng vai trò là bệ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở quan trọng để thực hiện an sinh, an dân trong đại dịch.

Là Tập đoàn hoạt động sản xuất kinh doanh nguyên liệu phục vụ ngành thực phẩm, Ban lãnh đạo Tập đoàn luôn theo dõi sát sao diễn biến tình hình kinh tế và xã hội vĩ mô trong nước và thế giới để có những kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh phù hợp, tránh bị động, hạn chế tối đa tác động của các yếu tố vĩ mô đến tình hình sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, từ đó đem lại giá trị thiết thực cho khách hàng của Asia Group nói riêng và người dân Việt Nam nói chung.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một nhóm các doanh nghiệp được thành lập cả ở trong và ngoài nước, Asia Group chịu tác động không chỉ bởi hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Môi trường, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp...mà còn chịu ảnh hưởng bởi các quy định của các nước sở tại. Do đó, bất kỳ sự sửa đổi hay bổ sung nào trong luật cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Hiện nay, hệ thống pháp luật và Hiến pháp Việt Nam đang trong quá trình đổi mới và hoàn thiện nhằm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trên cơ sở phát huy nội lực, chủ động hội nhập quốc tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cụ thể, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác liên quan đến ngành thực phẩm đã được cải cách và sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2021.

Để hạn chế rủi ro pháp luật tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn cam kết tuân thủ các quy định hiện hành của cả trong nước cũng như các nước sở tại; xây dựng hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực. Ngoài ra, Tập đoàn cũng thường xuyên cập nhật những thay đổi trong chính sách và quy định liên quan đến hoạt động của Tập đoàn, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập sâu rộng, nhiều hiệp định thương mại quan trọng đã được ký kết và có hiệu lực thời gian qua như Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) hay Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Vì vậy việc nắm bắt và cập nhật liên tục những quy định này là rất cần thiết cho sự phát triển của Tập đoàn.



CÁC RỦI RO

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro nguyên vật liệu

Hoạt động chính của Tập đoàn là nhập khẩu nguyên vật liệu, thu mua nông sản từ nhà cung cấp trong nước để sản xuất sản phẩm cho thị trường nội địa cũng như xuất khẩu. Vì vậy, Tập đoàn đối mặt với rủi ro nguồn nguyên vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất không đầy đủ hoặc không được cung cấp kịp thời, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng trên toàn cầu.

Theo đó, năm qua, Asia Group tiếp tục tập trung vào mảng kinh doanh cốt lõi là nguyên liệu thực phẩm cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất cũng như xuất khẩu. Ở thị trường nội địa, Tập đoàn không ngừng tìm kiếm giải pháp, nguyên liệu mới nhằm đem lại cho người tiêu dùng không những sản phẩm tốt, mà còn giúp nhà sản xuất tối ưu chi phí, giảm giá thành sản phẩm. Đối với thị trường xuất khẩu, Tập đoàn đã và đang phát triển thêm nhiều thị trường mới, trong đó tập trung vào thị trường Châu Á với trọng tâm là Trung Quốc (Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam, với kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 48,5 tỷ USD - theo Tổng cục Thống kê).

Rủi ro về cạnh tranh

Hiện nay, nhu cầu tiêu dùng đối với thực phẩm chế biến ngày càng lớn và đa dạng, đặc biệt là các sản phẩm dinh dưỡng, có nguồn gốc hữu cơ. Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, chỉ riêng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh đã có 5.515 cơ sở sản xuất trong ngành chế biến lương thực, thực phẩm, trong đó có 2.422 doanh nghiệp. Vì vậy, việc đối mặt với nguy cơ cạnh tranh trong ngành là không thể tránh khỏi. Các nguy cơ cạnh tranh chính mà Tập đoàn có thể gặp phải bao gồm: (i) Cạnh tranh trực tiếp từ các Tập đoàn sản xuất nguyên liệu thực phẩm khác (ii) Cạnh tranh mất khách hàng quan trọng.

Nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường, trong năm 2020, Tập đoàn đã cùng với đối tác Thái Lan đã đầu tư vào lĩnh vực kho lạnh chuyên phục vụ cho chuỗi cung ứng thực phẩm. Được đặt tại Bình Dương, các thao tác được thực hiện tự động thông qua hệ thống robot dưới sự điều khiển của con người, dự án được đánh giá có công nghệ hiện đại bậc nhất tại Việt Nam. Việc đầu tư xây dựng vào kho lạnh nhằm hoàn thiện hơn nữa chuỗi cung ứng thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm cũng là hoạt động kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn, hướng tới cung cấp giải pháp toàn diện cho khách hàng là nhà sản xuất, phân phối thực phẩm.



RỦI RO TỶ GIÁ

Rủi ro tỷ giá xảy ra khi tỷ giá biến động theo hướng tăng hoặc giảm tác động đến doanh thu, giá vốn của những Tập đoàn xuất nhập khẩu, cũng như ảnh hưởng đến các khoản nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ của các Tập đoàn có giao dịch ngoại tệ.

Tập đoàn nhập khẩu nguồn nguyên vật liệu từ các thị trường nước ngoài phục vụ cho sản xuất nguyên liệu thực phẩm, vì thế khi tỷ giá hối đoái USD/VND tăng sẽ gây thiệt hại cho Tập đoàn vì hàng nhập khẩu sẽ tăng giá và làm giảm lợi thế cạnh tranh với hàng nội địa. Ngoài ra, Tập đoàn cũng xuất khẩu sản phẩm sang thị trường quốc tế, nên khi tỷ giá giảm, các khoản phải thu bằng ngoại tệ lớn sẽ gặp rủi ro do tài sản bị giảm giá, từ đó làm giảm doanh thu khi quy đổi nội tệ với tỷ giá thấp so với tỷ giá lúc ghi nhận ban đầu.

Để hạn chế rủi ro này, Tập đoàn luôn chủ động nghiên cứu thị trường nhằm có chiến lược hợp lý trong thu mua dự trữ nguyên vật liệu đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm, ký hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp để đảm bảo mức giá và nguồn cung ổn định; chủ động đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu bên ngoài để giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số nhà cung cấp. Ngoài ra, Tập đoàn cũng sử dụng các công cụ bảo hiểm rủi ro để giảm tác động của tỷ giá đến kết quả tài chính của Tập đoàn.

RỦI RO KHÁC

Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, hạn hán, bão lụt, chiến tranh hay dịch bệnh... tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tập đoàn. Theo đó, Asia Group luôn chủ động phòng ngừa, có biện pháp xử lý kịp thời khi có vấn đề xảy ra, tiến hành mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản nhằm đảm bảo thiệt hại cho Công ty, cán bộ công nhân viên và nhà đầu tư.



PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 35 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- 41 TỔ CHỨC & NHÂN SỰ
- 45 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ & THỰC HIỆN DỰ ÁN
- 47 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 49 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NGÀNH THỰC PHẨM 2020

Sản xuất nông, lâm, nghiệp và thủy sản năm 2020 gặp nhiều khó khăn do tác động của hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt; dịch Covid-19 diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu và tiêu thụ nông sản.

Liên quan đến ngành sữa, đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn cầu đã tác động tiêu cực tới nhu cầu nhập khẩu sữa của các khu vực nhập khẩu lớn trên thế giới (Trung Quốc, Philippines, Indonesia) khi các khách hàng lớn bao gồm trường học, nhà hàng, khách sạn... phải đóng

cửa. Tại thị trường Việt Nam, thị trường sữa Việt Nam ước tính đạt 135.000 tỷ đồng trong năm 2020 (+8,3% so với cùng kỳ), nhờ tốc độ tăng trưởng nhanh của các ngành hàng sữa chua và sữa uống (người dân tăng cường sử dụng sữa tươi và sữa chua để tăng khả năng miễn dịch trong thời kỳ dịch bệnh). Trong ngắn hạn, giá sữa bột thế giới được kỳ vọng phục hồi nhẹ trong nửa cuối năm 2020 khi các hoạt động đời sống, kinh tế, xã hội được khôi phục trở lại. Trong dài hạn, Tổ chức Nông lương thế giới (FAO) dự báo giá sữa thế giới tăng trưởng nhẹ với

tốc độ +3,1%/năm (giai đoạn 2021 – 2023) nhờ vào nhu cầu tiêu thụ sữa tại các khu vực Châu Phi, Đông Nam Á và Trung Đông.

TÌNH HÌNH CHUNG CỦA AIG NĂM 2020

Đù trải qua một năm với nhiều khó khăn thách thức trước tình hình kinh tế chung, nhưng với những nỗ lực không ngừng nghỉ cùng sự chủ động sáng tạo cũng như gắn kết giữa Ban lãnh đạo và CBNV, tập thể Asia Group vẫn tận dụng được cơ hội và đạt được những kết quả kinh doanh đáng ghi nhận trong năm 2020. Doanh thu thuần hợp nhất đạt 6.531,69 tỷ đồng, tăng 25,5% tương đương tăng hơn 1.327 tỷ đồng so với 2019 và vượt 101% kế hoạch đặt ra.

Năm qua, Asia Group tiếp tục tập trung vào mảng kinh doanh cốt lõi là nguyên liệu thực phẩm cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất cũng như xuất khẩu. Ở thị trường nội địa, Tập đoàn không ngừng tìm kiếm giải pháp, nguyên liệu mới phối hợp với khách hàng không những sản phẩm tốt cho người tiêu dùng, mà còn giúp nhà sản xuất tối ưu chi phí, giảm giá thành sản phẩm. Đối với thị trường xuất khẩu, Asia Group đã và đang phát triển thêm nhiều thị trường mới, trong đó tập trung vào thị trường châu Á với trọng tâm là Trung Quốc.

Đáng chú ý trong năm 2020, Tập đoàn đã cùng với đối tác Thái Lan đã đầu tư vào lĩnh vực kho lạnh chuyên phục vụ cho chuỗi cung ứng thực phẩm. Được đặt tại Bình Dương, các thao tác được thực hiện tự động thông qua hệ thống robot dưới sự điều khiển của con người, dự án được đánh giá có công nghệ hiện đại bậc nhất tại Việt Nam. Việc đầu tư xây dựng vào kho lạnh nhằm hoàn thiện hơn nữa chuỗi cung ứng thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm cũng là hoạt động kinh doanh cốt lõi của Asia Group, hướng tới cung cấp giải pháp toàn diện cho khách hàng là nhà sản xuất, phân phối thực phẩm.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

CHỈ TIÊU	2019 (tỷ đồng)	2020 (tỷ đồng)	TĂNG/GIẢM
Doanh thu thuần	5.204,48	6.531,69	25,50%
Giá vốn hàng bán	4.238,47	5.422,26	27,93%
Doanh thu hoạt động tài chính	315,76	79,43	-74,84%
Lợi nhuận trước thuế	683,03	594,67	-12,94%
Lợi nhuận sau thuế	545,30	510,43	-6,39%
EPS (đồng/cổ phiếu)	2.574	2.330	-9,48%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2020 (tỷ đồng)	THỰC HIỆN 2020 (tỷ đồng)	TỶ LỆ HOÀN THÀNH
Doanh thu thuần	6.454	6.531,69	101%
Lợi nhuận sau thuế	478	510,43	108%

Năm 2020, mặc dù tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng lượng đơn hàng vẫn duy trì tốt nên Asia Group ghi nhận kết quả kinh doanh tương đối ổn định. Cụ thể, doanh thu thuần trong năm 2020 đạt 6.532 tỷ đồng, tăng 25,50% so với cùng kỳ, hoàn thành 101% kế hoạch đề ra.

Dù trải qua một năm với nhiều khó khăn thách thức trước tình hình kinh tế chung, nhưng với những nỗ lực không ngừng nghỉ cùng sự chủ động sáng tạo cũng như gắn kết giữa Ban lãnh đạo và CBNV, tập thể Asia Group vẫn tận dụng được cơ hội và đạt được kết quả kinh doanh đáng ghi nhận trong năm 2020. Kết thúc năm tài chính, lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn đạt 510,43 tỷ đồng, vượt 108% kế hoạch đề ra.

Doanh thu từ hoạt động tài chính của Tập đoàn giảm đáng kể, từ hơn 315 tỷ đồng năm 2019 xuống còn 79 tỷ đồng năm 2020, tuy nhiên phần chênh lệch này phần lớn đến từ lãi thanh lý khoản đầu tư Tập đoàn con. Vì vậy, nếu tách khoản này ra thì cơ cấu doanh thu từ hoạt động tài chính của Asia Group vẫn tăng trưởng ổn định, với lãi tiền gửi đạt 61,46 tỷ đồng (+2,3% yoy), thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái đạt hơn 17 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi so với năm trước. Ngoài ra, trong năm 2020, Tập đoàn đã đa dạng hóa danh mục đầu tư tài chính khi đầu tư vào trái phiếu, kỳ phiếu và tín phiếu.

CƠ CẤU DOANH THU THEO NHÓM SẢN PHẨM

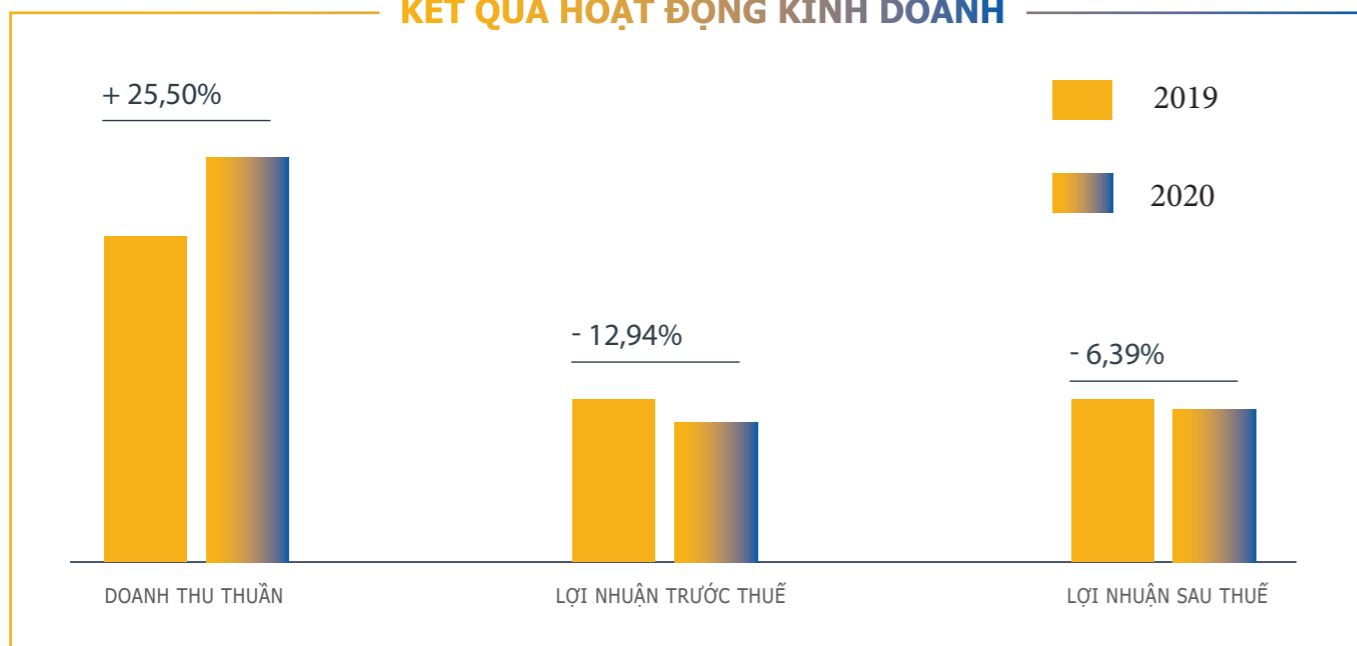
CHỈ TIÊU	2019 (tỷ đồng)	TỶ TRỌNG	2020 (tỷ đồng)	TỶ TRỌNG
Doanh thu bán hàng hóa	3.457,26	66,43%	4.554,54	69,73%
Doanh thu bán thành phẩm	1.747,16	33,57%	1.970,97	30,17%
Doanh thu bán phế liệu	0,069	0,001%	0,045	0,001%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	6,14	0,09%
TỔNG CỘNG	5.204,48	100%	6.531,69	100%

Về cơ cấu doanh thu, doanh thu của Asia Group năm 2020 phần lớn vẫn đến từ 2 nguồn là bán hàng hóa - các nguyên vật liệu đầu vào cho các ngành nghề như bánh kẹo, sữa, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi (69,73%) và bán thành phẩm - bột kem không sữa, nước dừa, sữa dừa, tinh bột sắn (30,17%). Hai nguồn thu còn lại đến từ bán phế liệu và cung cấp dịch vụ - dịch vụ cho thuê kho, với tổng tỷ trọng chỉ khoảng 0,1% tổng doanh thu. Nhìn chung, nhờ sự chuẩn bị tốt, nắm bắt cơ hội mới và chiến lược kinh doanh phù hợp của Ban Lãnh đạo đã giúp hầu hết các mảng kinh doanh của Tập đoàn đạt mức tăng trưởng dương trong một năm 2020 đầy biến động.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Doanh thu đạt

6.532
tỷ đồng

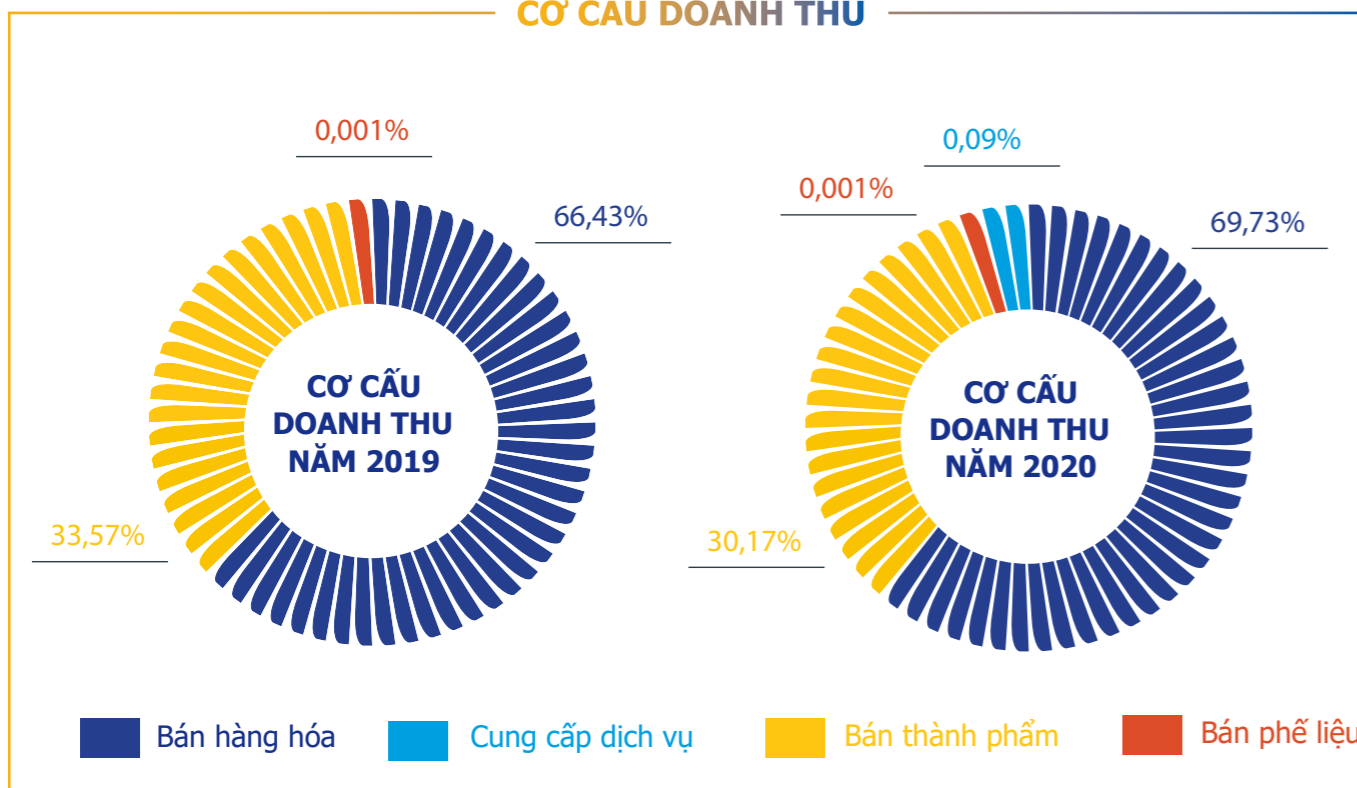
Tăng gần 26% so với cùng kỳ

Đạt

101%

kế hoạch

CƠ CẤU DOANH THU



Dù trải qua một năm với nhiều khó khăn thách thức trước tình hình kinh tế chung, nhưng với những nỗ lực không ngừng nghỉ cùng sự chủ động sáng tạo cũng như gắn kết giữa Ban lãnh đạo và CBNV, tập thể Asia Group vẫn tận dụng được cơ hội và đạt được những kết quả kinh doanh đáng ghi nhận trong năm 2020.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính

THÔNG TIN VỀ BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG TRẦN VIỆT HÙNG

Chức vụ	Tổng Giám đốc
Năm sinh	18/12/1970
Giới tính	Nam
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế



ÔNG NGUYỄN THẢO

Chức vụ	Giám đốc Tài chính
Năm sinh	24/08/1973
Giới tính	Nam
Nơi sinh	Quảng Ngãi
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ - NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
	Phân loại theo trình độ	34	100%
1	Trình độ đại học, cao đẳng	33	97%
2	Trình độ trung cấp	-	-
3	Trình độ lao động phổ thông	1	3%

THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Năm	Đơn vị tính	Mức lương bình quân
1	2019	Đồng/năm/người	341.113.159
2	2020	Đồng/năm/người	343.964.353



Asia Group luôn chú trọng công tác thu hút và giữ chân nhân tài bằng các chính sách đãi ngộ như: phát hành cổ phiếu thưởng (ESOP), cho vay mua nhà.

CHÍNH SÁCH DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhằm hướng đến xây dựng một lực lượng lao động nhiệt huyết, đoàn kết, có tính chuyên nghiệp và tay nghề cao, Ban Lãnh đạo AIG đề ra những chính sách cho người lao động như sau:

Chế độ làm việc

- Đối với bộ phận hành chính văn phòng: làm việc 8h/ ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, nghỉ vào chiều thứ 7 và ngày chủ nhật.
- Đối với bộ phận sản xuất: làm 3 ca/ngày, mỗi ca từ 6-8 tiếng.
- Thời gian làm ngoài giờ sẽ được tính theo quy định của Luật Lao động và các quy định liên quan.
- Người lao động được trang bị đầy đủ những phương tiện làm việc, bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách lương thưởng

- Chính sách lương thưởng tăng theo mức lương tối thiểu vùng và luôn đảm bảo chi trả đúng hạn theo quy định pháp luật hiện hành. Đóng góp của mỗi cá nhân đều được ghi nhận, thưởng thưởng một cách xứng đáng, góp phần giải quyết công ăn việc làm và các vấn đề xã hội.
- Ngoài lương cố định hàng tháng, Công ty còn áp dụng chính sách thưởng cuối năm cho người lao động dựa trên kết quả kinh doanh thực tế của công ty và kết quả làm việc của từng cá nhân (KPI).
- Công ty tạo cơ hội gặp gỡ, giao lưu, chia sẻ, học hỏi để nâng cao tinh thần, năng lực và kinh nghiệm bán hàng cũng như kết hợp với nhau hiệu quả hơn trong tương lai qua các chương trình như Ngày Hội kết nối (Family Day), Team Building – Ngày Hội Gia đình.
- Asia Group không ngừng xây dựng môi trường làm việc hiệu quả và chuyên nghiệp, để mỗi nhân viên luôn được phát triển bản thân và nghề nghiệp tại ngôi nhà thứ 2 mang tên "Ngôi nhà chung Asia".

Chính sách đào tạo

- Công ty luôn chủ trương thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển, đảm bảo tất cả cán bộ quản lý điều hành – đầu tàu của lực lượng lao động, có đủ phẩm chất lãnh đạo, trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết trình, trình độ ngoại ngữ, tin học.
- Chú trọng đầu tư nhằm không ngừng nâng cao năng lực và tinh thần làm việc của đội ngũ, tạo sự gắn kết của người lao động đối với công ty cũng như đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Công ty.
- Asia Group luôn chú trọng công tác thu hút và giữ chân nhân tài bằng các chế độ chăm sóc sức khỏe và các chính sách đãi ngộ như: phát hành cổ phiếu thưởng (ESOP), cho vay mua nhà, các hoạt động giúp cân bằng công việc và cuộc sống.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ & THỰC HIỆN DỰ ÁN

DỰ ÁN KHO LẠNH TỰ ĐỘNG TẠI BÌNH DƯƠNG

Việt Nam trong thời gian qua đã chứng kiến sự hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế thế giới, đặc biệt là các Hiệp định thương mại song phương, đa phương như EVFTA, CPTPP, RCEP, mở ra cơ hội giao thương với các nền kinh tế lớn, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Thực phẩm nhập khẩu không nằm ngoài xu hướng đó, do vậy việc đầu tư dự án kho lạnh tự động tại Bình Dương là một bước đi không những hưởng lợi từ hoạt động thương mại quốc tế mà còn đáp ứng mức sống ngày càng gia tăng của người tiêu dùng cụ thể là thực phẩm đông lạnh.

DỰ ÁN THÁP SẤY 2 TẠI CÔNG TY CP THỰC PHẨM Á CHÂU SÀI GÒN (AFI)

Là công ty tiên phong trong sản xuất các sản phẩm sấy phun tại Việt Nam, sản phẩm của AFI luôn có chất lượng tốt và được tin tưởng sử dụng ở các công ty thực phẩm hàng đầu. Sau hơn 10 năm đi vào hoạt động, 2020 đánh dấu một bước phát triển mới của Công ty, khi hoàn thành dự án đầu tư Tháp sấy 2, nâng công suất lên hơn gấp đôi với tổng vốn đầu tư hơn 300 tỷ đồng. Với tiềm lực tài chính được tích lũy, AFI hoàn toàn sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu để đầu tư dự án này mà không cần phát hành mới hay vay nợ. Điều đó càng chứng minh thêm tính hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh tại AIG.

DỰ ÁN SẢN XUẤT ĐƯỜNG NHA – GLUCOSE TẠI CÔNG TY CP Á CHÂU HOA SƠN (AHS)

Năm 2019, AIG chính thức đầu tư và trở thành công ty mẹ của AHS – công ty có trụ sở tại Nghệ An chuyên sản xuất tinh bột sắn. Kể từ thời điểm đầu tư, Tập đoàn đã nghiên cứu, làm việc với các chuyên gia và đội ngũ chuyên môn để đánh giá chi tiết về sản phẩm glucose. Sau hơn 2 năm, nhà máy sản xuất đường nha đã chính thức hoàn thành vào cuối năm 2020, điều này không những tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp mà còn đem lại công ăn việc làm cho người dân, đóng góp lớn vào ngân sách địa phương.

Là công ty tiên phong trong sản xuất các sản phẩm sấy phun tại Việt Nam, sản phẩm của AFI luôn có chất lượng tốt và được tin tưởng sử dụng ở các công ty thực phẩm hàng đầu.

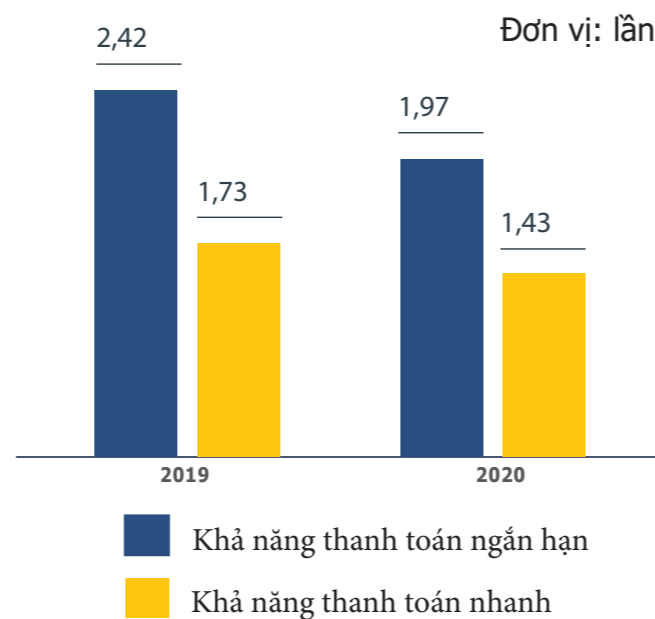


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,42	1,97
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,73	1,43
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	32,54	37,75
Hệ số Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	48,25	60,65
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,92	5,57
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,37	1,33
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,48	7,88
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) %		21,00	16,01
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) %		4,00	10,02
Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	13,08	9,15

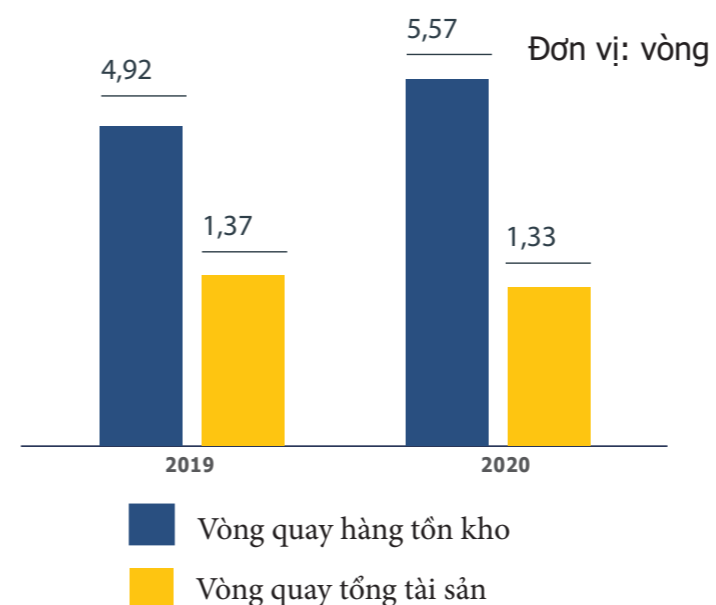
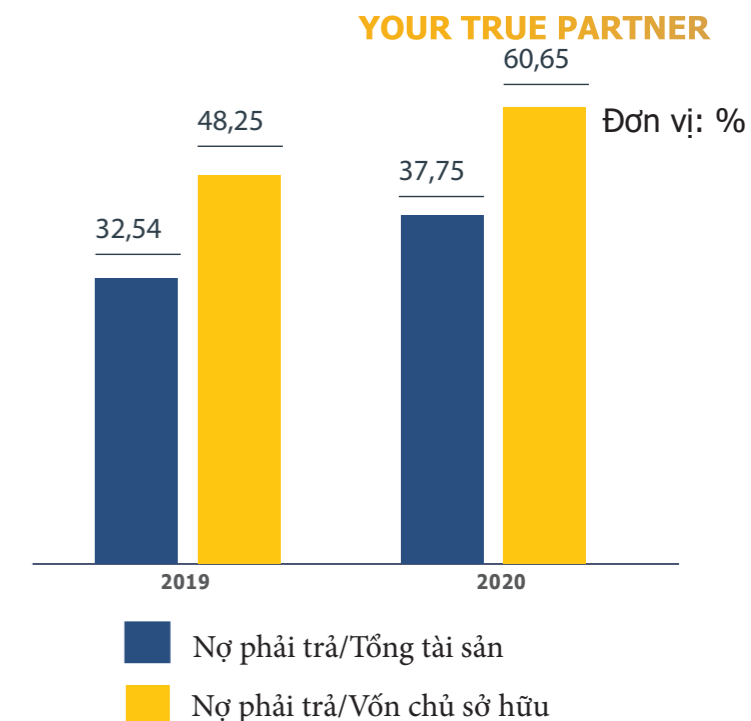
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2020 đều giảm, tuy nhiên, vẫn giữ ở mức trên 1. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,42 lần xuống còn 1,97 lần, hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,73 lần xuống còn 1,43 lần trong năm 2020. Việc suy giảm của các chỉ số này do nợ ngắn hạn tăng mạnh (+55,68% so với cùng kỳ), chủ yếu từ các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. So với mức trung bình ngành, khả năng thanh khoản của Công ty vẫn còn giữ ở mức cao. Các chỉ số về khả năng thanh toán luôn được Công ty duy trì ở mức an toàn nhằm hạn chế rủi ro và đảm bảo nguồn vốn lưu động cho các nghiệp vụ kinh doanh.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Nhìn chung các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty tăng nhẹ trong năm 2020 do các khoản vay ngắn hạn tăng đột biến nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và các khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng hơn 34% (từ 526 tỷ năm 2019 lên hơn 706 tỷ đồng trong năm 2020). Tuy nợ phải trả của AIG trong năm 2020 tăng mạnh (+52% yoy), nhưng phần lớn là các khoản chiếm dụng nhà cung cấp và vay ngắn hạn với lãi suất chỉ từ 2,8% - 5%/năm nên nhìn chung không chịu nhiều áp lực về chi phí lãi vay.

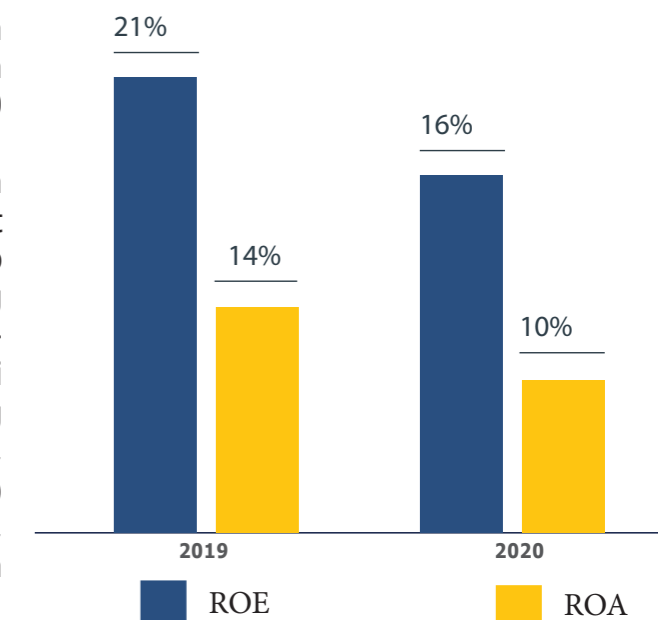


CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty trong năm tăng từ 4,92 vòng lên 5,57 vòng, cho thấy có sự cải thiện trong năng lực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi đó, chỉ số vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ khi một đồng tài sản của Công ty tạo ra 1,33 đồng doanh thu (so với con số 1,37 cùng kỳ năm trước). Mức giảm này phần lớn do hàng tồn kho trong năm tăng (+21,4% yoy) và do doanh nghiệp đầu tư thêm các tài sản cố định. Tuy nhiên, so với mức trung bình ngành (1,27), hiệu quả sử dụng tài sản của AIG vẫn ổn định.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong năm 2020, các chỉ số về khả năng sinh lời của AIG có xu hướng giảm nhẹ. Cụ thể, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) và trên tài sản (ROA) năm 2020 giảm lần lượt 5% và 4% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là do Tập đoàn giữ lại lợi nhuận để tái đầu tư và một số dự án đầu tư chưa đi vào hoạt động. Trong các năm tới, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ khởi sắc và các chỉ tiêu sinh lời hứa hẹn sẽ tăng trưởng trở lại bởi (i) Dự án sản xuất đường nha – glucose tại CTCP Á Châu Hoa Sơn (AHS) đã chính thức đi vào hoạt động vào cuối năm 2020; (ii) Chuỗi cung ứng toàn cầu (đặc biệt là tại các nước như Mỹ, Trung Quốc, Thái Lan - các thị trường xuất khẩu chủ lực của Công ty) được nối lại và (iii) Các doanh nghiệp ngành thực phẩm, trong đó có AIG, hưởng lợi từ các FTAs, các dòng vốn FDI rót vào lĩnh vực chế biến thực phẩm.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020

Vốn điều lệ công ty	1.706.012.980.000 đồng
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành	170.601.298 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu quỹ	0 Cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020

ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG (NGƯỜI)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ NẪM GIỮ
Cổ đông trong nước	104	125.888.637	73,79%
Tổ chức	01	2.738.000	1,60%
Cá nhân	103	123.150.637	72,19%
Cổ đông nước ngoài	03	44.712.661	26,21%
Tổ chức	03	44.712.661	26,21%
Cá nhân	-	-	-
Tổng cộng	107	170.601.298	100%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Không có.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có.

CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.



PHẦN III BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 53 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- 55 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 59 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

SWOT

ĐIỂM MẠNH/STRENGTHS

- Vị trí dẫn đầu trong ngành nguyên liệu thực phẩm nói chung và các lĩnh vực mà các công ty thành viên đang tham gia nói riêng;
- Các công ty thành viên xây dựng uy tín lâu năm trên thị trường;
- Có cơ sở vật chất, hạ tầng đầy đủ, tài chính vững vàng;
- Sự minh bạch trong quản trị;

CƠ HỘI/OPPORTUNITIES

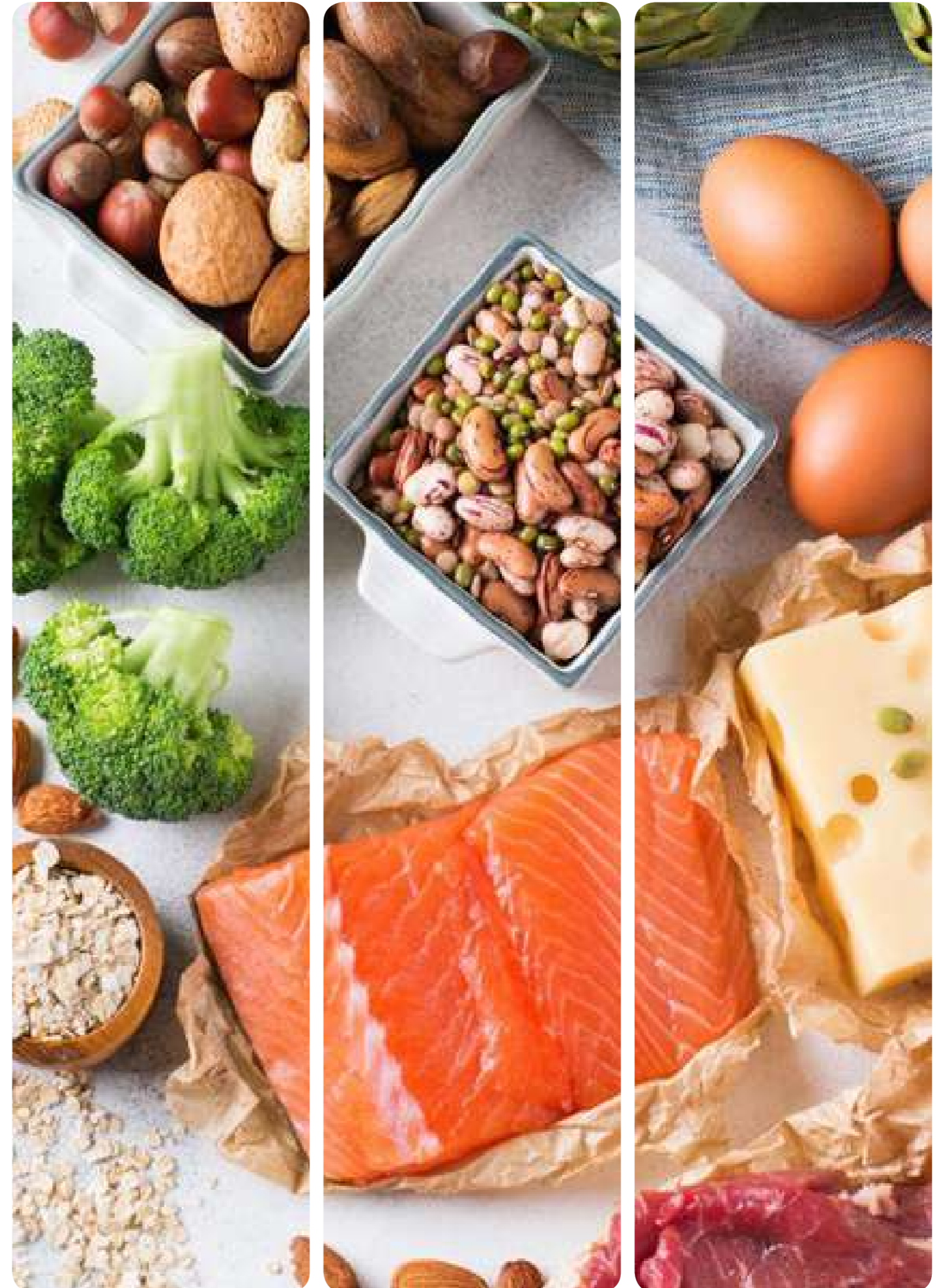
- Còn rất nhiều cơ hội kinh doanh khi thị trường tiêu dùng thay đổi rất nhanh, tiêu chuẩn sống ngày càng được nâng cao và người dân ngày càng chú ý đến sức khỏe;
- Còn nhiều cơ hội thay thế hàng nhập khẩu với giá cả hợp lý;
- Còn nhiều cơ hội xuất khẩu sản phẩm mà Việt Nam có lợi thế, đáp ứng nhu cầu quốc tế.

ĐIỂM YẾU/WEAKNESSES

- Cần xây dựng đội ngũ kế thừa có đủ năng lực tiếp nối thành công của thế hệ sáng lập;
- Cần chủ động đổi mới hơn nữa, nhất là các xu thế số hóa, tự động hóa;
- Cần tiếp tục chuẩn hóa quản trị, kiểm soát rủi ro;
- Cần nâng cao năng lực nghiên cứu để có nhiều sản phẩm mới, nâng cao giá trị sản phẩm.

THÁCH THỨC/THREATS

- Sản phẩm nhập khẩu ngày càng có giá thành hợp lý, cạnh tranh cao;
- Nhiều tập đoàn quốc tế đặt chân vào Việt Nam và ngày càng mở rộng.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU TÀI SẢN

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020
Tài sản ngắn hạn	2.603,84	3.084,06	3.902,62
Tiền & các khoản tương đương tiền	352,81	272,36	265,95
Khoảng đầu tư tài chính ngắn hạn	672,72	830,30	1.318,52
Các khoản phải thu ngắn hạn	722,36	1.065,97	1.181,12
Hàng tồn kho	839,67	883,16	1.072,35
Tài sản dài hạn	732,70	1.180,54	1.684,64
Tài sản cố định	488,75	711,47	1.034,58
Tài sản dài hạn khác	236,46	332,67	529,40
Tổng tài sản	3.336,55	4.264,61	5.587,26

Năm 2020, cơ cấu tài sản của Asia Group không có nhiều thay đổi khi tài sản ngắn hạn chiếm hơn 2/3 tổng tài sản. Cụ thể, tại thời điểm 31/12/2020, tài sản ngắn hạn chiếm 70% tổng tài sản, tăng 26,54% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là do có sự tăng mạnh của các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất dao động từ 3,6% - 8,3%/năm. Hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn tăng nhẹ so với cùng kỳ, chiếm lần lượt 27% và 30% tài sản ngắn hạn.

Tài sản dài hạn của Tập đoàn trong năm 2020 tăng đáng kể, hơn 42,7% so với thời điểm cuối năm 2019. Trong đó, tài sản cố định và tài sản dài hạn khác chiếm lần lượt 61% và 31% tổng tài sản dài hạn. Trong năm, Tập đoàn ghi nhận sự gia tăng đáng kể trong mục tài sản cố định do Tập đoàn đang đầu tư một số dự án.



CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: tỷ đồng

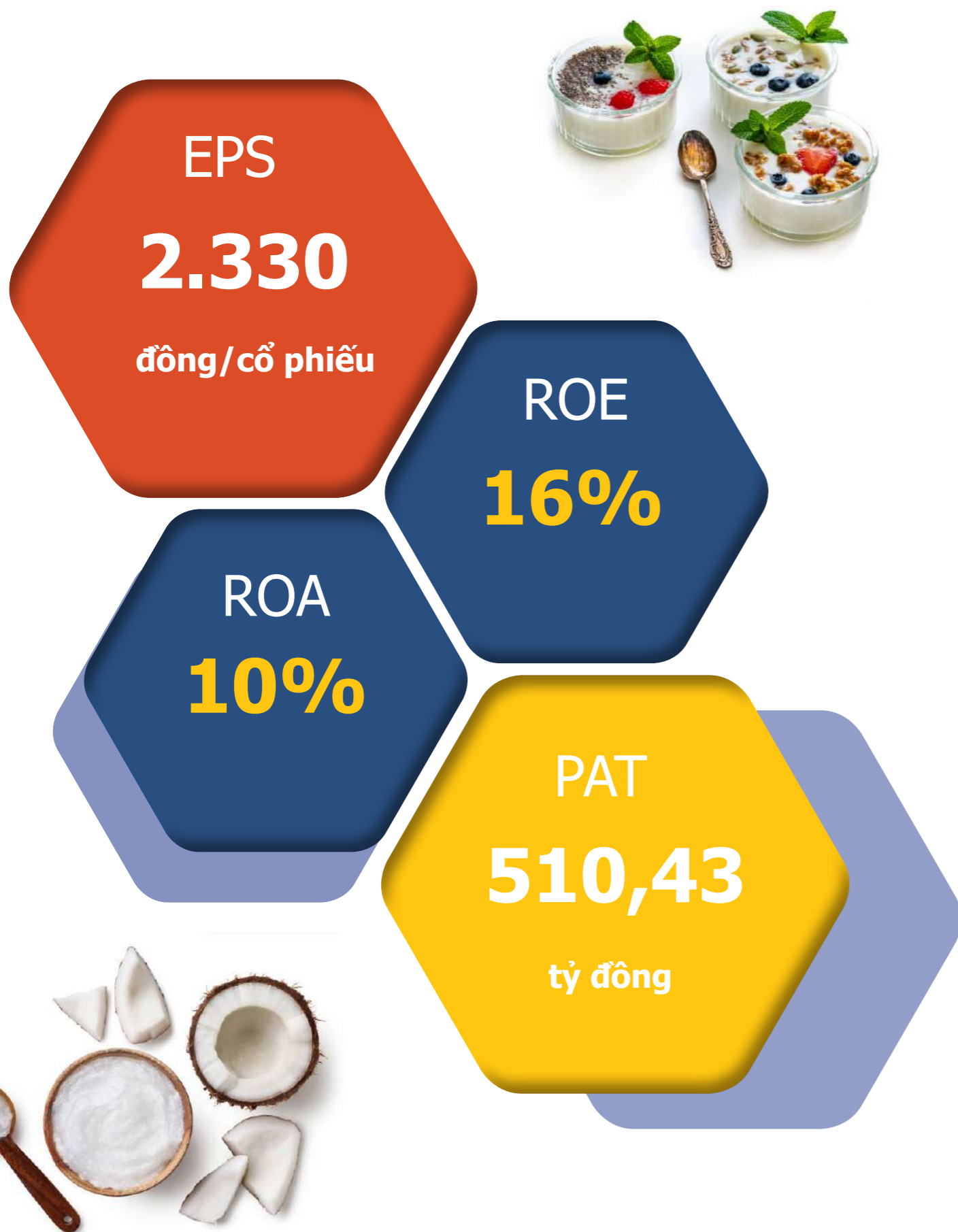
CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020
Nợ phải trả	938,73	1.387,89	2.115,86
Nợ ngắn hạn	846,40	1.271,90	2.011,49
Nợ dài hạn	92,33	115,99	104,37
Vốn chủ sở hữu	2.397,81	2.876,71	3.471,41
Tổng nguồn vốn	3.336,55	4.264,61	5.587,26

Năm 2020, với lộ trình cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng tối ưu, Tập đoàn đã dần dần tái cấu trúc tài chính thông qua việc gia tăng nợ phải trả. Cơ cấu nợ phải trả của Asia Group bao gồm nợ ngắn hạn chiếm hơn (95%), nợ dài hạn (5%) và cơ cấu này không có sự chuyển dịch đáng kể từ cuối năm 2018. Nợ ngắn hạn của Tập đoàn chủ yếu đến từ (i) Khoản phải trả các nhà cung cấp, (ii) Các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại như HSBC (440 tỷ), ANZ (347 tỷ), Vietinbank (133 tỷ), Vietcombank (33 tỷ), với lãi suất dao động từ 2,8%-5% nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Nợ dài hạn chiếm khoảng 5% tổng nợ, phần lớn là các khoản nợ vay thế chấp tại các ngân hàng và thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

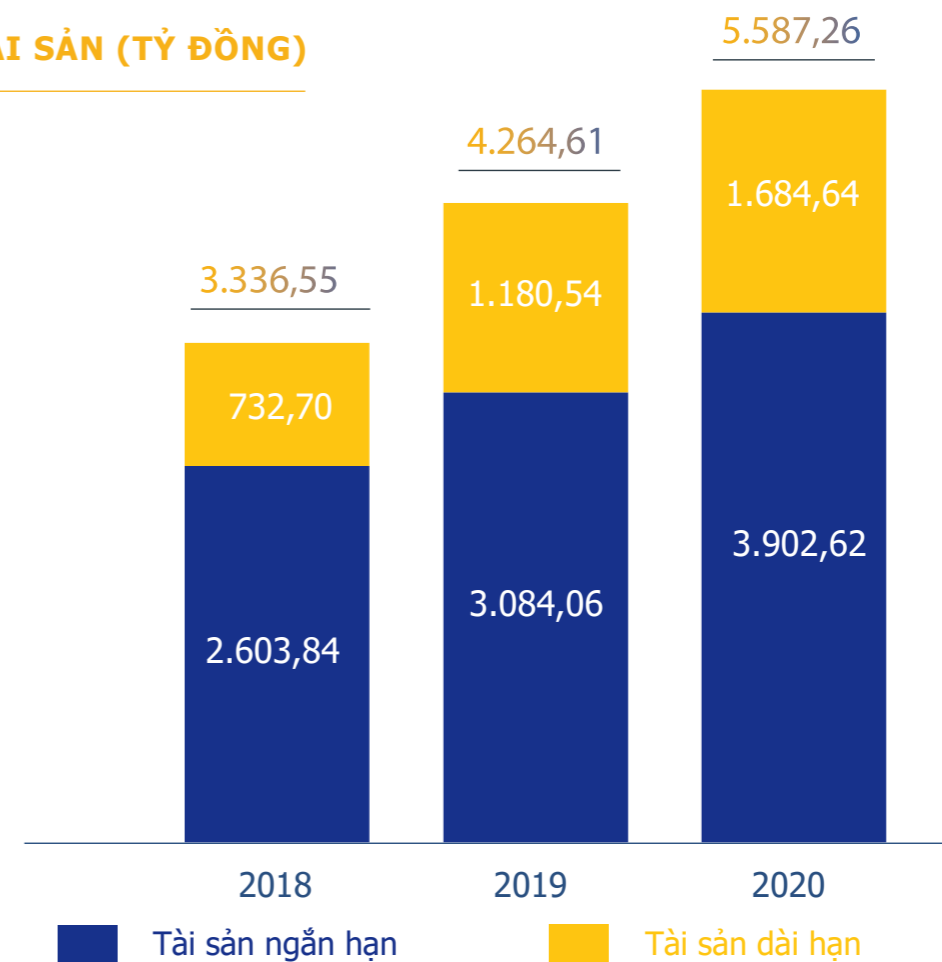
Vốn chủ sở hữu Tập đoàn tăng mạnh trong năm 2020, hơn 20% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm tỷ trọng 62% tổng nguồn vốn.



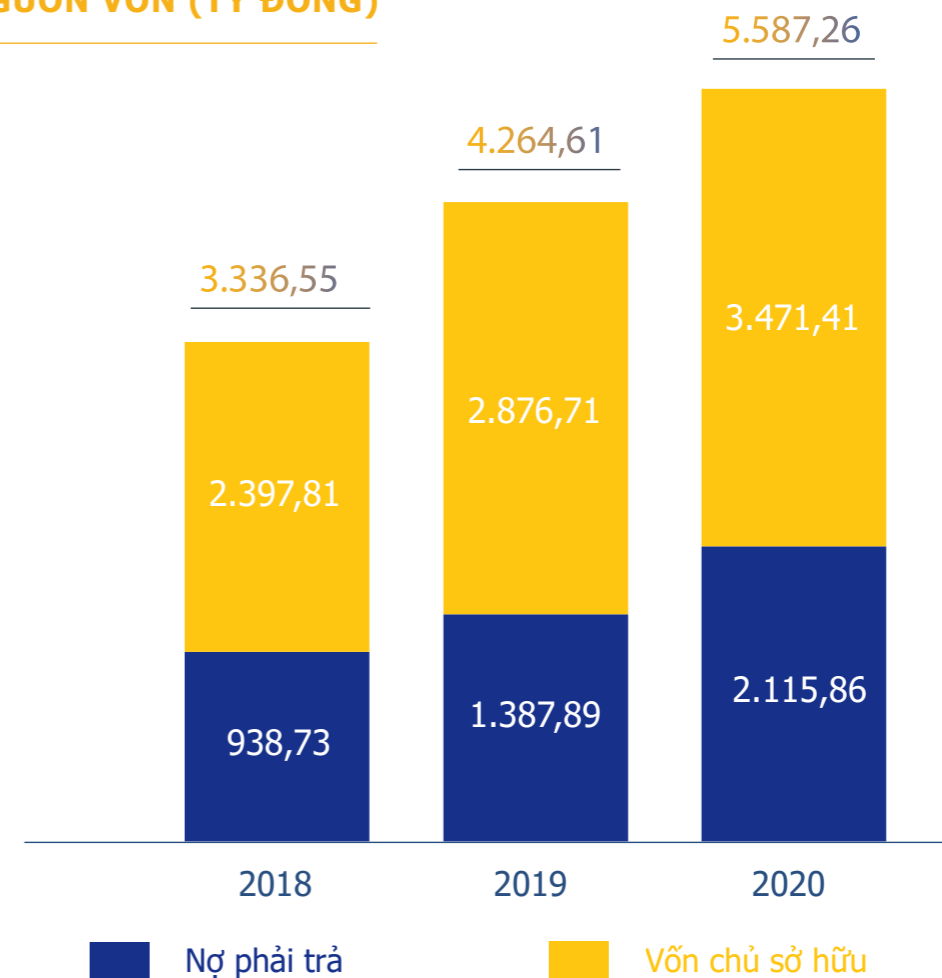
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



CƠ CẤU TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



CƠ CẤU NGUỒN VỐN (TỶ ĐỒNG)



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH & QUẢN LÝ

MẢNG THƯƠNG MẠI

Công ty đầu tàu là ACC tiếp tục cho thấy lợi thế vượt trội so với các công ty trong nước, vững chắc ở vị trí đầu ngành. Sau gần 20 năm hình thành và phát triển, ACC đã xây dựng cho mình những lợi thế cạnh tranh tốt để từ đó tiếp tục mở rộng thị trường, tối ưu hóa chi phí hoạt động và hơn hết là đem lại giá trị cho khách hàng. Chiến lược mở rộng thị trường bắt đầu từ năm 2018 đến nay vẫn tiếp tục đem lại kết quả tích cực cho Công ty, thêm nhiều khách hàng lớn, các công ty đa quốc gia đã chuyển sang sử dụng sản phẩm, dịch vụ của ACC thay vì tự làm. Giải pháp được ACC cung cấp đã giúp các tập đoàn này kiểm soát được rủi ro, tối ưu chi phí và thời gian.

Không chỉ tập trung phát triển đầu ra, tối ưu hóa chuỗi logistics cũng được ACC dành nhiều sự quan tâm. Không chỉ tại AIG, mà ở Việt Nam nói chung, chi phí vận chuyển & kho vận vẫn đang chiếm tỉ trọng rất lớn trong tổng chi phí vận hành của doanh nghiệp. Do vậy, kiểm soát chặt chẽ chi phí, giảm thiểu các giai đoạn gây lãng phí, đầu tư thiết bị hiện đại giúp tiết kiệm thời gian đang là các biện pháp mà ACC đồng loạt triển khai nhằm cải tiến hoạt động logistics của mình. Bước đầu, các giải pháp trên đã phát huy kết quả tốt.

AIC là công ty đặc thù của Tập đoàn, kinh doanh mảng hóa chất công nghiệp và nguyên liệu phục vụ ngành chăn nuôi. Kể từ khi thành lập năm 2015, AIC hầu như vẫn dậm chân tại chỗ khi chưa tìm được hướng đi cho mình. Năm 2020 với làn gió mới từ Ban Giám đốc, tình hình kinh doanh tại AIC đã có chuyển biến rõ rệt, tạo tâm lý lạc quan phấn khởi trong toàn thể công ty. Doanh thu năm 2020 tăng trưởng gần gấp đôi so với năm trước đó, lợi nhuận tăng mạnh, hầu hết các mảng kinh doanh được cơ cấu lại, nhiều nhân sự trẻ được tuyển mới. Với những gì đã đạt được trong năm 2020, chúng ta có quyền hi vọng về một sự bứt phá của AIC trong các năm tiếp theo.

APIS vẫn tiếp tục tăng trưởng đều như những năm vừa qua, công ty đang trong quá trình thử nghiệm mảng kinh doanh mới trong năm 2020 và 2021. Mảng kinh doanh này, được đầu tư thử nghiệm một cách thận trọng, vừa làm vừa học hỏi trước khi được xem xét đầu tư ở mức độ lớn hơn.



MẢNG SẢN XUẤT

Năm nay là một năm có nhiều thay đổi lớn ở mảng sản xuất của AIG. Các dự án đầu tư lớn đã được thực hiện và hoàn thành trong năm 2020 tạo cú hích lớn cho các Công ty sản xuất.

Tháp sậy thứ 2 được hoàn thành tại Bình Dương đã tăng công suất của AFI lên hơn gấp đôi, giúp công ty tiếp tục giữ vị trí hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm sậy phun. Sau hơn 10 năm hoạt động, AFI luôn là công ty có hiệu quả kinh doanh cao nhờ vào việc nội địa hóa thành công sản phẩm NDC, thay thế được hoàn toàn sản phẩm nhập khẩu với giá thành hợp lý. Có thêm công suất và máy móc được đầu tư hiện tại, công ty được kì vọng sẽ tối ưu chi phí sản xuất, tạo được thêm nhiều sản phẩm giá trị gia tăng hơn nữa trong tương lai.

AHS là công ty được M&A vào năm 2019, ngay sau khi về với AIG, công ty đã được tăng vốn và đầu tư nhà máy sản xuất đường nha – glucose. Dự án này thực sự là một bước chuyển mình của AHS, từ sản xuất đơn giản sản phẩm tinh bột sản xuất khẩu cho thị trường Trung Quốc, công ty đã trở thành một doanh nghiệp sản xuất chuyên sâu với sản phẩm phục vụ cho thị trường nội địa. Sản phẩm này một phần được tiêu dùng nội bộ cho AFI, phần còn lại sẽ được phân phối thông qua hệ thống thương mại của ACC, APIS.

ACP có thể coi là một thành công lớn trong năm 2020 của Tập đoàn. Còn nhớ 2019, khi công ty ghi nhận mức lỗ lớn, âm vào vốn chủ sở hữu, lúc đó áp lực là rất lớn không chỉ đối với Ban Giám đốc công ty mà còn là cho cả Tập đoàn. Sau hơn 10 năm, kể từ thời điểm thành lập AFI, chúng ta mới gặp lại một vấn đề lớn đến như vậy của công ty sản xuất. Đứng trước tình hình đó, hàng loạt giải pháp đồng bộ đã được triển khai nhằm xác định cốt lõi vấn đề và tìm giải pháp cho ACP, rất nhiều nguồn lực từ tập đoàn đã được huy động. Rất đáng mừng, là chỉ sau một thời gian ngắn, nhờ vào hành động kịp thời và đúng đắn, ACP đã trở lại quỹ đạo của một công ty sản xuất tốt. Tiếp nối sự tích cực này, trong năm 2021 và các năm sau, công ty dự kiến sẽ có tăng trưởng tích cực hơn nữa.

Sau gần 20 năm hình thành và phát triển, ACC đã xây dựng cho mình những lợi thế cạnh tranh tốt để từ đó tiếp tục mở rộng thị trường, tối ưu hóa chi phí hoạt động và hơn hết là đem lại giá trị cho khách hàng. Chiến lược mở rộng thị trường bắt đầu từ năm 2018 đến nay vẫn tiếp tục đem lại kết quả tích cực cho Công ty, thêm nhiều khách hàng lớn, các công ty đa quốc gia đã chuyển sang sử dụng sản phẩm, dịch vụ của ACC thay vì tự làm. Giải pháp được ACC cung cấp đã giúp các tập đoàn này kiểm soát được rủi ro, tối ưu chi phí và thời gian.

PHẦN IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 63 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- 64 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- 65 KẾ HOẠCH & ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Bước vào năm 2020, Tập đoàn vẫn tiếp tục đặt ra mục tiêu phát triển bền vững, mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, phát triển nguồn nhân lực, cải thiện hệ thống quản trị nội bộ và quản lý rủi ro để thích ứng với điều kiện cạnh tranh, hội nhập quốc tế.

Năm 2020, Tập đoàn đạt được kế hoạch doanh thu đề ra, điều đó tiếp thêm động lực nhằm khởi động một năm mới 2021 thành công hơn.

Năm 2020, bên cạnh hoạt động kinh doanh, Tập đoàn cũng đã có nhiều hoạt động thiện nguyện nhằm nâng cao hơn nữa ý thức và trách nhiệm đối với môi trường và xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban điều hành Tập đoàn đối với việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị trong năm 2020 nhằm đảm bảo các nghị quyết được thực thi đúng hướng và đúng tiến độ. Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã hoàn thành đúng các nhiệm vụ được giao năm 2020 đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.



KẾ HOẠCH & ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tăng cường chất lượng dịch vụ bán hàng, đảm bảo chất lượng sản phẩm để giữ vững thương hiệu;
- Theo dõi, đánh giá các biến động giá cả đầu vào, biến động chi phí để điều hành dự trữ hàng hóa hợp lý, quản lý tốt dòng tiền;
- Đầu tư cơ sở vật chất, kho bãi phục vụ kịp thời nhu cầu kinh doanh;
- Tăng cường chất lượng quản lý thông qua công tác kiểm tra giám sát nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động;
- Hoàn thiện cơ cấu nhân sự theo cơ cấu tổ chức mới, tăng cường năng lực quản trị điều hành. Chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, giám sát cho đội ngũ quản lý trẻ, năng động đảm bảo nâng cao chất lượng quản lý của đội ngũ kế thừa. Ban hành chính sách lương và các chính sách đãi ngộ mang tính cạnh tranh. Đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua quản trị thành tích, tạo điều kiện về cơ hội, môi trường và chế độ thăng tiến cho các nhân viên tiềm năng;
- Đưa công nghệ thông tin vào việc điều hành và quản lý kinh doanh, đầu tư phát triển hệ thống phần mềm quản trị đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển cho toàn Tập đoàn;
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới nhằm gia tăng giá trị Tập đoàn. Quan tâm và bảo vệ quyền lợi chính đáng của Cổ đông cũng như quan tâm đến quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn bộ Cán bộ nhân viên trong Tập đoàn.



Tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới nhằm gia tăng giá trị Tập đoàn. Quan tâm và bảo vệ quyền lợi chính đáng của Cổ đông cũng như quan tâm đến quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn bộ Cán bộ nhân viên trong Tập đoàn.



PHẦN V QUẢN TRỊ CÔNG TY

69 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

77 BAN KIỂM SOÁT

81 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT)
Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên HDQT
Phạm Đăng Long	Thành viên HDQT
Phan Duy Hiếu	Thành viên HDQT
Nguyễn Bá Lương	Thành viên HDQT
Lars Kjaer	Thành viên HDQT
Lee Ying Leong	Thành viên HDQT



THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN THIÊN TRÚC

Chức vụ	Chủ tịch HDQT
Năm sinh	20/03/1971
Giới tính	Nam
Nơi sinh	Cần Thơ
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



ÔNG HUỲNH THANH LÂM

Chức vụ	Thành viên HDQT
Năm sinh	13/08/1974
Giới tính	Nam
Nơi sinh	TP. Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa



ÔNG LARS KJAER

Chức vụ	Thành viên HDQT
Năm sinh	28/04/1958
Giới tính	Nam
Nơi sinh	Tonder, Đan Mạch
Quốc tịch	Đan Mạch
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế - QTKD



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG PHẠM ĐĂNG LONG

Chức vụ	Thành viên HĐQT
Năm sinh	01/01/1971
Giới tính	Nam
Nơi sinh	Long An
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Kinh tế



ÔNG PHAN DUY HIẾU

Chức vụ	Thành viên HĐQT
Năm sinh	13/07/1969
Giới tính	Nam
Nơi sinh	Đồng Tháp
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa



ÔNG NGUYỄN BÁ LƯƠNG

Chức vụ	Thành viên HĐQT
Năm sinh	19/08/1969
Giới tính	Nam
Nơi sinh	Bình Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ thuật viên Điện công nghiệp



ÔNG LEE YING LEONG

Chức vụ	Thành viên HĐQT
Năm sinh	05/05/1977
Giới tính	Nam
Nơi sinh	Malaysia
Quốc tịch	Malaysia
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị Tài Chính, Kế toán và Thông tin



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng theo quy định của pháp luật. Các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết đã thể hiện hết tinh thần trách nhiệm và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ.

Trong năm qua, HĐQT công ty đã thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức Các cuộc họp Hội đồng quản trị nhằm chỉ đạo, định hướng phát triển Công ty, các cuộc họp này đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp nhằm giải quyết kịp thời những phát sinh.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đầy đủ và có chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo Điều lệ.

VỀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH

Tối đa hóa công suất dây chuyền máy móc thiết bị hiện hữu nhằm tăng sản lượng sản xuất, góp phần giảm giá thành sản phẩm; Bám sát, kiểm soát và đẩy mạnh tiến độ xây dựng các dự án mới; Cùng với việc tăng cường phát triển sản xuất kinh doanh, công tác quản trị rủi ro kinh doanh cũng được kiểm soát thường xuyên, tăng cường quản lý vốn lưu động; Tiếp tục kiểm soát tốt nhất chi phí phát sinh trong từng công ty thành viên nhằm tối ưu hóa lợi nhuận; Tiếp tục tinh gọn bộ máy nhân sự, tập trung vào các vấn đề kinh doanh cốt lõi nhằm tiết kiệm chi phí và gia tăng hiệu quả hoạt động.



VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Hoàn thành đầu tư, xây dựng Tháp sậy thứ 2 tại Công ty cổ phần (CTCP) Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (AFI); Hoàn thành đầu tư, xây dựng Nhà máy sản xuất Glucose tại CTCP Á Châu Hoa Sơn (AHS); Tái cơ cấu hoạt động kinh doanh cốt lõi của CTCP Hóa chất Công nghiệp Á Châu (AIC); Tiếp tục nghiên cứu, chuẩn bị phương án đầu tư cho Dự án Kho lạnh tại Bình Dương của CTCP ARC (liên doanh giữa AIC và tập đoàn Ruxchai – Thái Lan).

VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Tiếp tục kiên toàn hệ thống quản lý và cơ cấu nhân sự theo cơ cấu tổ chức mới, tăng cường năng lực quản trị điều hành, nâng cao hơn nữa vai trò chiến lược và kiểm tra giám sát của HĐQT, chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, giám sát cho đội ngũ quản lý; Ban hành chính sách lương và các chính sách đãi ngộ mang tính cạnh tranh; đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua quản trị thành tích, tạo điều kiện về cơ hội, môi trường và chế độ thăng tiến cho các cấp quản lý tiềm năng, tổ chức các chương trình đào tạo bài bản và chuyên sâu để xây dựng một đội ngũ quản lý kế thừa, phục vụ nhu cầu phát triển dài hạn.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
01/2020/QĐ-HĐQT/AIG	14/02/2020	Phê duyệt giao dịch với người có liên quan (Công ty CP Chế biến Dừa Á Châu, CTCP Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn, CTCP Á Châu Hoa Sơn).
02/2020/QĐ-HĐQT/AIG	25/02/2020	Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất chưa kiểm toán và tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh (HĐKD) của từng công ty 2019 và kế hoạch 2020; Phê duyệt Báo cáo kết quả HĐKD 2019 và kế hoạch 2020 của các công ty thành viên; Phê duyệt Báo cáo việc triển khai dự án đầu tư Kho Lạnh ARC; Phê duyệt việc tuyển dụng CEO/COO của tập đoàn.
03/2020/QĐ-HĐQT/AIG	08/04/2020	Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Thông qua giao dịch với người có liên quan (CTCP Chế Biến Dừa Á Châu, CTCP APIS).
04/2020/QĐ-HĐQT/AIG	10/06/2020	Phê duyệt thời gian, chương trình, nội dung, tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; Phê duyệt mua cổ phần phát hành mới của CTCP Hóa Chất Công nghiệp Á Châu.
05/2020/QĐ-HĐQT/AIG	17/06/2020	Phê duyệt việc CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG ký Văn bản cam kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.
06/2020/QĐ-HĐQT/AIG	07/07/2020	Thay đổi người đại diện theo pháp luật; Triển khai nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 về việc chọn công ty kiểm toán độc lập.
07/2020/QĐ-HĐQT/AIG	09/07/2020	Thảo luận dự án kho lạnh ARC Bình Dương; Thảo luận về quy trình IPO; Ủy quyền Chủ tịch HĐQT quyết định nội dung và ký kết Hợp đồng lao động.
08/2020/QĐ-HĐQT/AIG	22/12/2020	Phê duyệt báo cáo tổng quan tình hình hoạt động của các Công ty thành viên AIG; Thảo luận dự án Cà phê hòa tan; Phê duyệt về mặt chủ trương về tăng vốn tại CTCP Chế Biến Dừa Á Châu.



BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban kiểm soát
Hà Thị Bích Vân	Kiểm soát viên
Đỗ Thị Kim Chung	Kiểm soát viên



THÔNG TIN BAN KIỂM SOÁT

BÀ LÊ NGỌC SANG

Chức vụ	Trưởng BKS
Năm sinh	25/04/1976
Giới tính	Nữ
Nơi sinh	Tiền Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế



BÀ HÀ THỊ BÍCH VÂN

Chức vụ	Kiểm soát viên
Năm sinh	02/09/1980
Giới tính	Nữ
Nơi sinh	TP. Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế



BÀ ĐỖ THỊ KIM CHUNG

Chức vụ	Kiểm soát viên
Năm sinh	20/08/1989
Giới tính	Nữ
Nơi sinh	Ninh Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật



BAN KIỂM SOÁT

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19, BKS không tiến hành họp trực tiếp mà thống nhất thường xuyên trao đổi thông tin giữa các thành viên với nhau liên quan hoạt động giám sát (qua phân công nhiệm vụ giám sát của các thành viên), cũng như điều cử thành viên đại diện tham dự các cuộc họp thường kỳ hàng quý của HĐQT cùng BGD điều hành công ty để nắm bắt kịp thời thông tin tình hình hoạt động của Công ty.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BGD VÀ CỔ ĐÔNG

BKS thường xuyên theo dõi các hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành để giám sát những vấn đề sau:

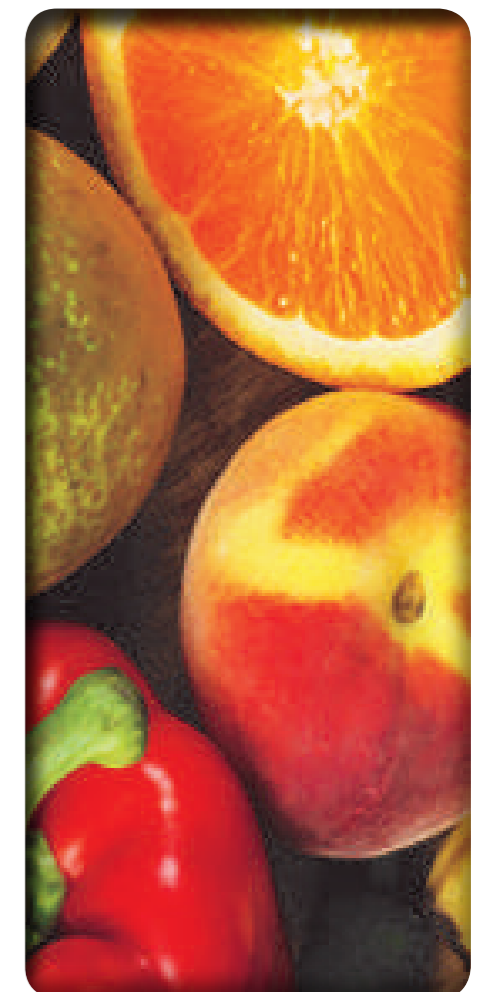
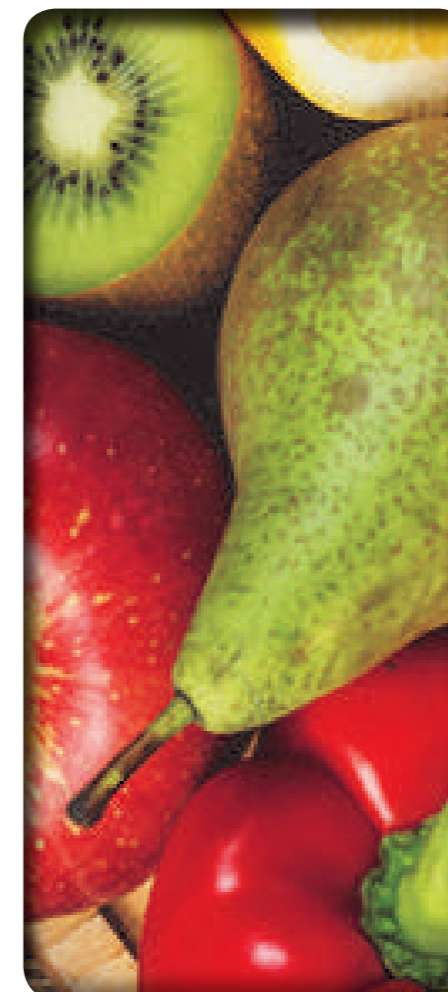
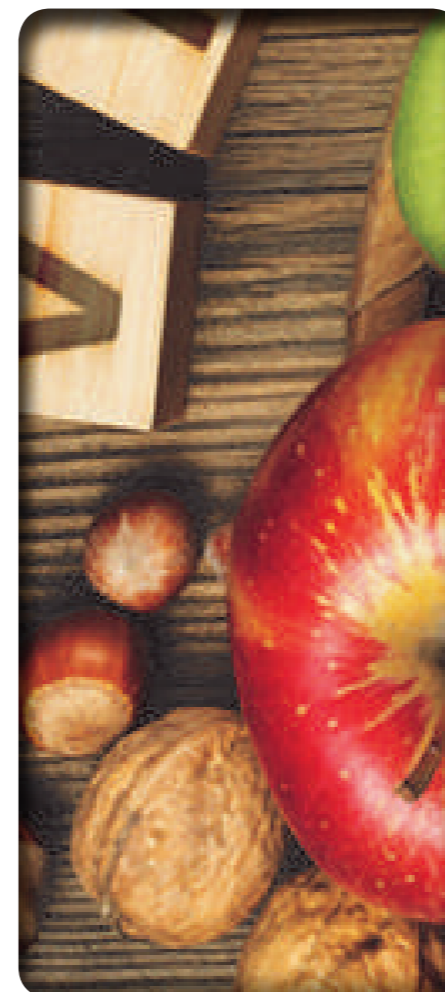
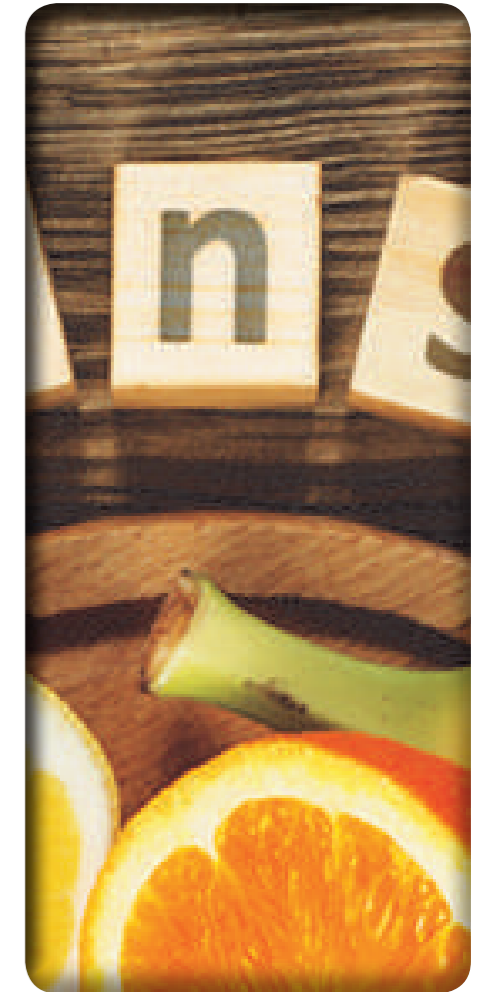
- Việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.
- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm.
- Giám sát việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không phát hiện bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ nào của thành viên HĐQT/ Ban Giám đốc điều hành, cũng không có nhận được khiếu nại nào từ cổ đông về hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành Công ty.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BGD VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trong các cuộc họp thường kỳ hàng quý của HĐQT, BKS điều cử thành viên đại diện tham dự để nắm bắt kịp thời thông tin thực tế về tình hình HĐSXKD, tình hình thực hiện các dự án đầu tư của Công ty.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ngoài việc giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc điều hành, BKS cũng giám sát việc tuân thủ quy định công bố thông tin của Công ty để đảm bảo các thông tin quan trọng luôn được công bố và cập nhật đầy đủ, kịp thời cho cổ đông.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

NGƯỜI GIAO DỊCH	CHỨC VỤ	MUA/BÁN	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SAU GIAO DỊCH	TỶ LỆ SỞ HỮU
Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT	Bán	1.400.000	66.789.048	39,15%
Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT	Mua	500.000	67.289.048	39,44%
Nguyễn Thảo	Kế toán trưởng	Bán	100.000	226.850	0,13%
Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT	Mua	100.000	67.389.048	39,50%
Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên HĐQT	Bán	180.000	6.770.818	3,97%
Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT	Mua	180.000	67.569.048	39,61%
Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT	Mua	480.000	68.049.048	39,89%
Nguyễn Bá Lương	Thành viên HĐQT	Bán	500.000	2.325.663	1,36%
Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT	Mua	170.000	68.219.048	39,99%
Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT	Bán	1.958.704	66.260.344	38,84%
Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT	Mua	200.000	66.460.344	38,96%
PENM IV GERMANY GMBH & CO.KG	Liên quan người nội bộ	Mua	1.400.000	11.400.000	6,68%
PENM IV GERMANY GMBH & CO.KG	Liên quan người nội bộ	Mua	1.958.704	13.358.704	7,83%
PENM IV GERMANY GMBH & CO.KG	Liên quan người nội bộ	Mua	450.000	13.808.704	8,09%



PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Tập đoàn thường xuyên theo dõi tình hình biến động của nguyên vật liệu để từ đó có kế hoạch bổ sung, dự trữ kịp thời cho quá trình kinh doanh đảm bảo tính liên tục và ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí vật liệu.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Đối với nguồn điện sử dụng cho hoạt động của các kho và văn phòng, Tập đoàn luôn luôn ý thức việc tiết kiệm năng lượng điện sử dụng để tránh lãng phí.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước sử dụng tại các nhà kho được sử dụng chủ yếu cho hoạt động sinh hoạt, vệ sinh của công nhân viên tại nhà kho.

Hàng năm, Tập đoàn đều có báo cáo về quan trắc môi trường tại các kho và chất lượng nước thải đều đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tập đoàn luôn đề ra các kế hoạch, chiến lược giảm thiểu ô nhiễm môi trường:

- Thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường theo bản cam kết bảo vệ môi trường đã được xác nhận;
- Thường xuyên theo dõi, giám sát chất lượng môi trường nước, không khí và có biện pháp khắc phục sự cố môi trường phát sinh;
- Thực hiện tốt việc đảm bảo chất lượng nước thải đạt quy chuẩn quy định của khu công nghiệp;
- Thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, quản lý chất thải sinh hoạt theo quy định của Nhà nước;
- Đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe của người lao động. Luôn cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với phương châm bảo đảm đời sống cán bộ nhân viên, Tập đoàn luôn chú trọng đến các chính sách, phúc lợi liên quan đến sức khỏe, an toàn lao động cho toàn thể người lao động nhằm giúp họ an tâm cống hiến và phát triển cùng Asia Group. Các chính sách liên quan đến người lao động bao gồm:

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo luật định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn bộ nhân viên;
- Chương trình bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho CBNV và người thân;
- Chương trình khám sức khỏe định kỳ;
- Tập huấn an toàn lao động định kỳ.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

ỦNG HỘ MIỀN TRUNG

ỦNG HỘ PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG QUẢNG NAM



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

WOMEN DAY 2020

TẶNG BỒN TRỮ NƯỚC HỖ TRỢ KHẮC PHỤC HẠN MẶN TẠI TỈNH BẾN TRE



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 97 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- 99 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- 101 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- 103 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Phòng số 3, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên
Ông Phan Duy Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên
Ông Lee Ying Leong	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2020
	Giám đốc Chuỗi Cung ứng	từ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Hùng	bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thiên Trúc	từ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Điều hành:

Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 4 năm 2021



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61417868/21163893-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 9 tháng 4 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Lý Hồng Mỹ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4175-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 4 năm 2021

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.902.620.771.029	3.084.064.268.715
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	265.946.937.553	272.363.304.017
111	1. Tiền		140.288.500.368	96.849.988.949
112	2. Các khoản tương đương tiền		125.658.437.185	175.513.315.068
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.318.520.250.769	830.300.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	1.318.520.250.769	830.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.181.121.937.991	1.065.978.799.866
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	1.075.647.581.202	864.191.903.546
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	68.598.557.071	174.844.561.244
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	43.923.337.765	31.204.913.518
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(7.047.538.047)	(4.262.578.442)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.072.351.928.568	883.164.102.708
141	1. Hàng tồn kho		1.076.000.989.536	887.287.328.068
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.649.060.968)	(4.123.225.360)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		64.679.716.148	32.258.062.124
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	10.658.787.347	6.692.166.662
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		51.589.272.094	25.351.004.871
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	2.421.656.707	214.890.591
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.684.643.497.263	1.180.546.186.033
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.626.583.102	16.753.959.101
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		3.071.080.000	3.071.080.000
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	11	4.046.142.690	7.076.142.690
216	3. Phải thu dài hạn khác	8	6.509.360.412	6.606.736.411
220	II. Tài sản cố định		1.034.583.693.447	711.474.728.449
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.001.285.861.911	692.720.059.961
222	Nguyên giá		1.388.817.469.062	960.242.772.812
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(387.531.607.151)	(267.522.712.851)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	33.297.831.536	18.754.668.488
228	Nguyên giá		38.992.520.257	22.409.534.144
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.694.688.721)	(3.654.865.656)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		103.529.644.722	117.144.200.551
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	103.529.644.722	117.144.200.551
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		3.500.000.000	2.500.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.500.000.000	2.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		529.403.575.992	332.673.297.932
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	529.403.575.992	332.673.297.932
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.587.264.268.292	4.264.610.454.748

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.115.857.272.932	1.387.897.345.573
310	I. Nợ ngắn hạn		2.011.489.145.296	1.271.901.351.946
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	706.679.869.675	526.904.512.500
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	50.621.635.618	37.876.895.882
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	28.783.512.255	32.195.584.850
314	4. Phải trả người lao động		1.882.766.911	82.824.035
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	119.159.225.089	82.944.436.990
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.072.077.498	24.832.814.946
320	7. Vay ngắn hạn	19	992.749.152.690	478.559.263.355
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		109.540.905.560	88.505.019.388
330	II. Nợ dài hạn		104.368.127.636	115.995.993.627
338	1. Vay dài hạn	19	76.653.352.801	85.387.433.283
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	21.185.378.525	24.364.829.034
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		6.529.396.310	6.243.731.310
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.471.406.995.360	2.876.713.109.175
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.471.406.995.360	2.876.713.109.175
411	1. Vốn cổ phần	20.1	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	174.000.000.000	174.000.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	20.1	-	1.506.871.469
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	20.1	(15.256.597)	234.350.581
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	29.884.223.256	18.643.325.197
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	882.675.049.475	492.582.461.741
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		492.582.461.741	63.980.919.221
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		390.092.587.734	428.601.542.520
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	678.849.999.226	483.733.120.187
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.587.264.268.292	4.264.610.454.748

Vũ Minh Đức
Người lập

Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2021

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	6.545.331.955.991	5.215.097.248.053
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(13.638.419.501)	(10.612.742.721)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	6.531.693.536.490	5.204.484.505.332
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23,27	(5.422.257.414.898)	(4.238.474.790.756)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.109.436.121.592	966.009.714.576
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	79.428.398.692	315.755.136.540
22	7. Chi phí tài chính	24	(46.854.642.576)	(41.209.095.345)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(36.489.077.334)	(37.414.748.656)
25	8. Chi phí bán hàng	25,27	(200.625.863.729)	(174.951.131.745)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25,27	(346.311.090.815)	(384.718.291.871)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		595.072.923.164	680.886.332.155
31	11. Thu nhập khác	26	6.718.596.683	8.557.571.882
32	12. Chi phí khác	26	(7.122.460.182)	(6.416.218.295)
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	26	(403.863.499)	2.141.353.587
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		594.669.059.665	683.027.685.742
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(87.414.835.872)	(138.837.135.170)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	3.174.772.509	1.113.730.524
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		510.428.996.302	545.304.281.096

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		420.735.877.519	465.166.154.224
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		89.693.118.783	80.138.126.872
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	2.330	2.574
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	2.330	2.574

Vũ Minh Đức
Người lập

Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2021

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		594.669.059.665	683.027.685.742
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		82.917.999.156	128.621.720.602
03	Dự phòng		2.596.460.213	7.192.011.320
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		637.187.139	(79.274.293)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(56.839.919.917)	(310.269.992.327)
06	Chi phí lãi vay	24	36.489.077.334	37.414.748.656
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		660.469.863.590	545.906.899.700
09	Tăng các khoản phải thu		(239.062.606.634)	(231.473.492.371)
10	Tăng hàng tồn kho		(188.713.661.468)	(97.225.118.945)
11	Tăng các khoản phải trả		135.578.196.301	172.723.788.720
12	Tăng chi phí trả trước		(205.070.892.001)	(143.844.668.131)
14	Tiền lãi vay đã trả		(38.624.164.293)	(35.915.346.363)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(83.826.099.446)	(137.434.724.530)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.781.500.000)	(11.598.964.320)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		38.969.136.049	61.138.373.760
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(239.973.260.765)	(404.586.749.322)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		407.272.727	7.310.909.143
23	Tiền gửi ngân hàng và tiền chi cho vay		(468.190.250.769)	(187.175.419.167)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(45.162.626.249)	(76.549.444.767)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý năm giữ)		-	349.310.759.890
27	Tiền thu lãi tiền gửi		63.804.614.697	52.570.291.380
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(689.114.250.359)	(259.119.652.843)

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu		138.536.163.017	49.746.986.983
33	Tiền thu từ đi vay	19	3.307.637.925.231	1.816.038.624.549
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(2.802.193.516.860)	(1.741.940.979.780)
36	Cổ tức đã trả		-	(6.265.100.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		643.980.571.388	117.579.531.752
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(6.164.542.922)	(80.401.747.331)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		272.363.304.017	352.812.651.253
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(251.823.542)	(47.599.905)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	265.946.937.553	272.363.304.017



Vũ Minh Đức
Người lập

Ngày 9 tháng 4 năm 2021



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Phòng số 3, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 990 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 957).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp, trong đó:

▶ **Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")**

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng đại diện đăng ký tại Tầng 11, Tòa nhà Vinamilk, Số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, ACC cũng có các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Tỉnh Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Cần Thơ. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")**

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")**

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

▶ **Công ty Cổ phần APIS ("APIS")**

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II - A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")**

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC")**

AIC là một công ty cổ phần được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AIC có trụ sở chính đăng ký tại Phòng số 4, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AIC là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AIC (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 99,84% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd (ACC PTE)**

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại #08 - 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")**

AHS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AHS có trụ sở chính đăng ký tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty nắm giữ 65,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 65,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

► Công ty Cổ phần ARC Bình Dương ("ARC")

ARC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702831258 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 11 năm 2019. ARC có trụ sở chính đăng ký tại Lô G7, Đường số 6, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ARC là dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty nắm giữ 63,98% tỷ lệ sở hữu và 64,00% quyền biểu quyết trong ARC (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 98,31% tỷ lệ sở hữu và 98,46% quyền biểu quyết).

► Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")

AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết trong AHC.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
- Thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Nhóm Công ty nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn thì không khấu hao.

Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 - 10 năm
Tài sản khác	4 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả, theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh được Nhóm Công ty ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số liên phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con hoạt động ở nước ngoài

Báo cáo tài chính của ACC PTE được lập theo đồng tiền khác với đồng tiền VND của Nhóm công ty. Báo cáo chuyển đổi của ACC PTE được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục được phân loại là tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính;
- Khoản mục vốn điều lệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày có giao dịch;
- Khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá của các khoản mục tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế bình quân trong kỳ kế toán năm.

Tỷ giá thực tế bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính là bình quân tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty con thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá thực tế bình quân tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 23.095 VND/USD.

Tỷ giá thực tế bình quân trong năm tài chính được xác định dựa trên bình quân của tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty con thường xuyên có giao dịch tại đầu và cuối mỗi tháng của tất cả các tháng trong năm tài chính. Tỷ giá thực tế bình quân trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 23.250 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo được trình bày tại khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 trong vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và mua bán sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm, hương liệu, nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm từ sữa, dứa, nước giải khát, thủy sản, dược phẩm, bánh kẹo và mỹ phẩm; nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Điều Hành giả định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Điều Hành cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này

4.2 Tăng tỷ lệ sở hữu trong AIC

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua 23.700.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết từ AIC với giá mua là 237.000.000.000 VND theo Hợp đồng mua cổ phần Số 01/2019/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 và Phụ lục của Hợp đồng này ngày 20 tháng 4 năm 2020. Việc mua thêm cổ phần làm tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong AIC từ 99,84% lên 99,98%.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong AIC phát sinh từ nghiệp vụ trên đây được hạch toán giảm vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng lợi ích của các cổ đông không kiểm soát với số tiền là 138.600.054 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 Giảm tỷ lệ sở hữu trong ARC

Trong năm, ARC phát hành 23.374.000 cổ phiếu cổ đông để tăng vốn cổ phần. AIC mua 10.255.360 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết trong ARC với số tiền là 102.553.600.000 VND. Các nhà đầu tư khác gồm Ruxchai Group Ltd., và Ông Nguyễn Bảo Tùng mua 12.958.4000 và 160.240 cổ phiếu có quyền biểu quyết trong ARC với số tiền lần lượt là 129.584.000.000 VND và 1.602.400.000 VND. Việc các nhà đầu tư mua thêm cổ phần làm giảm tỷ lệ sở hữu của AIC trong ARC từ 98,46% xuống 64,00%. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong ARC giảm từ 98,31% xuống 63,98%.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong AIC phát sinh từ nghiệp vụ trên đây được hạch toán giảm vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng lợi ích của các cổ đông không kiểm soát với số tiền là 216.201.223 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.4 Mua Công ty TNHH Á Châu HealthCare ("AHC")

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2020, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 95% phần vốn góp của AHC từ Pierre Fabre Médicament Production S.A.S và Pierre Fabre Médicament S.A.S với giá phí là 52.314.222.409 VND. Ban Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua phần vốn góp của AHC là việc mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Giá phí các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản, nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản, nợ phải trả tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12) và tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13). Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát cũng được ghi nhận cho giá trị của các tài sản, nợ phải trả được mua. Các tài sản, nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản, nợ phải trả tương tự của Nhóm Công ty.

Kể từ ngày hợp nhất, AHC đã làm giảm 1.895.450.002 VND vào lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.421.064.482	3.737.988.035
Tiền gửi ngân hàng	137.867.435.886	93.112.000.914
Các khoản tương đương tiền (*)	125.658.437.185	175.513.315.068
TỔNG CỘNG	265.946.937.553	272.363.304.017

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,0%/năm đến 3,8%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn với kỳ hạn gốc trên sáu tháng nhưng dưới mười hai tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,6%/năm đến 8,3%/năm.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	898.605.698.171	654.784.638.649
<i>Công ty TNHH Quốc Tế Unilever Việt Nam</i>	217.407.383.864	108.923.022.257
<i>Các khách hàng khác</i>	681.198.314.307	545.861.616.392
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)	177.041.883.031	209.407.264.897
TỔNG CỘNG	1.075.647.581.202	884.191.903.546
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.047.538.047)	(4.262.578.442)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.068.600.043.155	859.929.325.104

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Nhóm Công ty đã dùng một phần khoản phải thu khách hàng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	68.598.557.071	173.651.749.844
<i>Công Ty Cổ Phần Xây Dựng & Máy Công</i>		
<i>Trình Thành Vinh</i>	20.878.656.700	4.488.000.000
<i>Qinhuangdao Lihua Starch Co. Ltd.</i>	8.977.339.772	-
<i>Gea Processs Engineering Pte. Ltd.</i>	-	56.069.090.837
<i>Công ty TNHH Phú An Thành - Long An</i>	-	28.372.911.554
<i>Công ty TNHH Patkol Public</i>	-	20.047.200.968
<i>Các người bán khác</i>	38.742.560.599	64.674.546.485
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	1.192.811.400
TỔNG CỘNG	68.598.557.071	174.844.561.244

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	43.923.337.765	31.204.913.518
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.313.901.957	18.529.120.258
Ký quỹ	14.729.261.572	4.158.472.996
Tạm ứng cho nhân viên	6.145.848.573	6.999.289.994
Khác	6.734.325.663	1.518.030.270
Dài hạn	6.509.360.412	6.606.736.411
Ký quỹ dài hạn	6.509.360.412	6.606.736.411
TỔNG CỘNG	50.432.698.177	37.811.649.929
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	48.494.458.597	35.873.410.349
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	1.938.239.580	1.938.239.580

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	485.628.691.154	512.253.529.927
Hàng đang đi trên đường	336.612.116.432	188.478.793.467
Thành phẩm	121.470.843.101	101.275.530.000
Nguyên vật liệu	92.816.767.543	49.519.073.938
Hàng gửi đi bán	14.734.970.467	3.425.673.249
Công cụ, dụng cụ	14.460.391.661	9.641.384.374
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.223.499.943	22.693.343.113
Thành phẩm từ gia công	53.709.235	-
TỔNG CỘNG	1.076.000.989.536	887.287.328.068
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.649.060.968)	(4.123.225.360)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.072.351.928.568	883.164.102.708

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Nhóm Công ty đã dùng một phần hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.123.225.360	1.048.287.721
Giảm do thanh lý công ty con	-	(84.215.879)
Dự phòng trích lập trong năm	7.016.432.551	4.123.225.360
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.490.596.943)	(964.071.842)
Số cuối năm	3.649.060.968	4.123.225.360

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	10.668.787.347	6.692.166.662
Công cụ, dụng cụ	2.574.791.738	702.197.111
Phí bảo hiểm	2.298.030.820	2.213.180.139
Chi phí thuê văn phòng	708.408.000	306.768.000
Khác	5.087.556.789	3.470.021.412
Dài hạn	529.403.575.992	332.673.297.932
Tiền thuê đất	507.290.582.055	315.445.916.088
Chi phí cải tạo văn phòng và nâng cấp thiết bị	2.542.692.357	4.241.705.983
Công cụ, dụng cụ	7.031.891.890	2.985.904.093
Khác	12.538.409.690	9.999.771.768
TỔNG CỘNG	540.072.363.339	339.365.464.594

11. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Đây là khoản phải thu về cho vay đối với Công ty TNHH T&T Vina theo Hợp đồng số 05/HĐKT/HS-TT/2017 ngày 15 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, sức vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	366.621.310.890	455.925.516.684	113.263.213.628	23.283.678.074	977.375.000	171.678.536	960.242.772.812
Mua mới	5.735.788.364	8.240.822.662	13.560.528.854	480.200.000	-	-	28.017.339.880
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	65.050.422.631	287.140.109.279	3.273.776.273	1.646.669.798	-	-	357.110.977.981
Tăng do mua công ty con	32.079.257.503	27.797.462.733	1.389.059.544	229.350.388	-	2.233.548.442	63.728.678.610
Thanh lý (15.919.464.196)	(15.919.464.196)	-	(4.422.401.721)	-	-	-	(20.341.865.917)
Tăng khác 59.565.696	59.565.696	-	-	-	-	-	59.565.696
Số cuối năm	453.626.880.888	779.103.911.358	127.064.176.578	25.639.898.260	977.375.000	2.405.226.978	1.388.817.469.062
Trong đó: Đã khấu hao hết	31.504.897.280	35.799.783.646	32.455.347.428	6.218.816.596	-	1.567.476.336	107.546.321.286
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(61.316.888.851)	(132.843.739.422)	(65.204.926.134)	(7.904.889.562)	(80.590.346)	(171.678.536)	(267.522.712.851)
Khấu hao trong năm	(18.599.298.908)	(46.948.337.667)	(12.918.524.471)	(2.590.836.567)	(26.721.596)	(40.396.914)	(81.124.116.123)
Tăng do mua công ty con	(25.360.894.061)	(22.038.856.041)	(991.590.239)	(194.261.195)	-	(1.891.240.954)	(50.476.842.490)
Thanh lý 7.491.555.004	7.491.555.004	-	4.100.509.309	-	-	-	11.592.064.313
Số cuối năm	(97.785.526.816)	(201.830.933.130)	(75.014.531.535)	(10.689.967.324)	(107.311.942)	(2.103.316.404)	(387.531.607.151)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	305.304.422.039	323.081.777.262	48.058.287.494	15.378.788.512	896.784.654	-	692.720.059.961
Số cuối năm	355.841.354.072	577.272.978.228	52.049.645.043	14.949.910.936	870.063.058	301.910.574	1.001.285.861.911
Trong đó: Đã thế chấp (Thuyết minh số 19)	120.441.903.849	194.529.645.312	11.694.507.633	297.180.922	862.181.250	-	327.815.418.966

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	18.262.041.491	4.147.492.653	22.409.534.144
Mua mới	-	96.000.000	96.000.000
Tăng do mua công ty con	17.791.816.587	-	17.791.816.587
Thanh lý (59.565.696)	(59.565.696)	-	(59.565.696)
Giảm do thanh lý công ty con	(1.245.264.778)	-	(1.245.264.778)
Số cuối năm	34.749.027.604	4.243.492.653	38.992.520.257
Trong đó: Đã hao mòn hết	-	91.575.232	91.575.232
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(1.122.576.616)	(2.532.289.040)	(3.654.865.656)
Hao mòn trong năm	(1.074.474.924)	(965.348.141)	(2.039.823.065)
Số cuối năm	(2.197.051.540)	(3.497.637.181)	(5.694.688.721)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	17.139.464.875	1.615.203.613	18.754.668.488
Số cuối năm	32.551.976.064	745.855.472	33.297.831.536

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	VND
		Số đầu năm
Xây dựng nhà máy mới (*)	96.666.012.967	72.204.843.819
Mua sắm tài sản	1.273.630.000	44.333.329.459
Khác	5.590.001.755	606.027.273
TỔNG CỘNG	103.529.644.722	117.144.200.551

(*) Chi phí xây dựng nhà máy tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương và dự án nhà máy Glucose tại Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên khác	706.448.453.850	517.765.314.516
DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte Ltd.	55.901.272.167	41.111.294.766
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Hương Liệu Éch Vàng	58.901.861.922	25.994.341.570
Shandong Tianli Pharmaceutical Industry Co., Ltd	56.694.153.082	52.686.024.300
Open Country Dairy Limited	43.995.028.635	28.950.874.714
Unilever Asia Private Limited	5.032.055.606	34.845.538.752
Người bán khác	485.924.082.438	334.177.240.414
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	231.415.825	9.139.197.984
TỔNG CỘNG	706.679.869.675	526.904.512.500

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chengdu Huimeng Jinxing Trading Co., Ltd	18.123.633.610	-
Shenzhen Jiangnan Food Limited	9.103.462.080	4.852.888.000
Công Ty TNHH Thương mại và Hỗ trợ Đầu tư An Phát	8.916.240.000	16.877.920.000
Thai Coconut Public Company Limited	-	5.305.557.400
Người mua khác	14.478.299.928	10.840.530.482
TỔNG CỘNG	50.621.635.618	37.876.895.882

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU NHÀ NƯỚC

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.946.933.348	20.482.347.904
Thuế thu nhập cá nhân	5.341.649.666	3.111.246.468
Thuế giá trị gia tăng	9.903.300.713	3.164.612.558
Thuế nhập khẩu	(211.189.468)	(410.391.382)
Thuế nhà thầu	-	-
Thuế môn bài	-	-
Thuế khác	-	14.040.000
TỔNG CỘNG	31.980.694.259	26.361.855.548
Trong đó:		
Thuế phải nộp	32.195.584.850	28.783.512.255
Thuế nộp thừa	(214.890.591)	(2.421.656.707)

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng và lương tháng 13	100.979.615.252	72.338.688.059
Chi phí hỗ trợ bán hàng	11.504.686.313	4.899.737.225
Lãi vay	3.077.153.841	3.048.083.977
Khác	3.597.769.683	2.657.927.729
TỔNG CỘNG	119.159.225.089	82.944.436.990

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	14.145.486.983
Cổ tức	-	7.734.004.000
Khác	2.072.077.498	2.953.323.963
TỔNG CỘNG	2.072.077.498	24.832.814.946

19. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	992.749.152.690	478.559.263.355
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	957.738.064.526	461.799.263.355
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	35.011.088.164	16.760.000.000
Vay dài hạn	76.653.352.801	85.387.433.283
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	76.653.352.801	85.387.433.283
TỔNG CỘNG	1.069.402.505.491	563.946.696.638

Tình hình tăng, giảm các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	478.559.263.355	85.387.433.283	563.946.696.638
Tiền thu từ đi vay	3.222.743.484.266	84.894.440.965	3.307.637.925.231
Vay dài hạn đến hạn trả	93.628.521.447	(93.628.521.447)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(2.802.193.516.860)	-	(2.802.193.516.860)
Chênh lệch tỷ giá	11.400.482	-	11.400.482
Số cuối năm	992.749.152.690	76.653.352.801	1.069.402.505.491

B09-DN/HN

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Nhóm Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	440.304.346.119	Từ ngày 4 tháng 9 năm 2020 đến ngày 29 tháng 4 năm 2021	2,96 - 3,50	Quyền sử dụng đất và tài sản và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 35, Lô K4B, Ấp Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Hàng hóa trong kho trị giá 260.000.000.000 VND; phải thu khách hàng trị giá 200.000.000.000 VND.
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	347.087.591.778	Từ ngày 8 tháng 10 năm 2020 đến ngày 30 tháng 3 năm 2021	3,01 - 3,75	Hàng hóa hoặc hàng tồn kho trị giá 284.000.000.000 VND; Các khoản phải thu khách hàng (không bao gồm các khoản phải thu từ Vinamil) trị giá 160.000.000.000 VND.
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	133.429.905.052	Từ ngày 12 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 5 năm 2021	4,50	Tài sản cố định vô hình và hữu hình và hàng tồn kho theo danh mục tại thời điểm báo cáo
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	33.749.563.729	Từ ngày 1 tháng 12 năm 2020 đến ngày 28 tháng 3 năm 2021.	2,80 - 5,00	Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có.
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh số 6 Hồ Chí Minh	3.166.657.848	Từ ngày 5 tháng 10 năm 2020 đến ngày 03 tháng 4 năm 2021	4,80	Tin chấp
	957.738.064.526			

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

19. VAY (tiếp theo)									
19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn	Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:	Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo		
			VND		%/năm				
		Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	48.294.440.965	Từ ngày 28 tháng 04 năm 2020 đến ngày 27 tháng 10 năm 2023	9,8				
			26.770.000.000	Từ ngày 25 tháng 04 năm 2016 đến ngày 25 tháng 7 năm 2022	10,8 – 11,0				
		Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	36.600.000.000	Từ ngày 20 tháng 10 năm 2020 đến ngày 20 tháng 10 năm 2025	5,9				
			111.664.440.965						
		Trong đó:							
		Vay dài hạn đến hạn trả	35.011.088.164						
		Vay dài hạn	76.653.352.801						

(i) Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Nhà máy chế biến tinh bột sắn và đường lòng Glucose tại tỉnh Nghệ An bao gồm nhà xưởng sản xuất đường lòng Glucose, nhà xưởng phụ trợ Glucose kho thành phẩm, khu xử lý nước sạch (thuyết minh số 12) và các máy móc thiết bị hình thành trong tương lai

(ii) 5000 trái phiếu mã CTG2028T2/01 phát hành ngày 30/7/2020 và 5000 trái phiếu mã CTG2028T2/02 phát hành ngày 24/9/2020 có kỳ hạn 8 năm do ngân hàng TMCP Công Thương phát hành trị giá 1.000.000.000 đồng.

Quyền sử dụng Thửa đất số 151A, KCN Sóng Thần 1, Thành Phố Dr An, Tỉnh Bình Dương



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU									
20.1 Tính hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu	Năm trước	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
									VND
	Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	-	295.025.640	8.909.000.306	63.980.919.221	1.953.197.925.167	
	Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	465.166.154.224	465.166.154.224	
	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	10.972.706.404	(10.972.706.404)	-	
	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(26.082.299.042)	(26.082.299.042)	
	Tặng vốn góp vào công ty con sử dụng lợi nhuận chưa phân phối	-	-	1.506.871.469	-	-	(1.506.871.469)	-	
	Chênh lệch do chuyển đổi sang VND	-	-	-	(60.675.059)	-	-	(60.675.059)	
	Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	-	(1.807.609.171)	(1.807.609.171)	
	Khác	-	-	-	-	(1.238.381.513)	3.804.874.382	2.566.492.869	
	Số cuối năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	1.506.871.469	234.350.581	18.643.325.197	492.582.461.741	2.392.979.988.988	

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)		VND	
20.1 Tính hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)		Tổng cộng	
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu
		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quy đầu tư phát triển
		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Năm nay	1.706.012.980.000	174.000.000.000	1.506.871.469
Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	1.506.871.469
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	420.735.877.519
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(11.240.898.059)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
Chênh lệch do chuyển đổi sang VND	-	(249.607.178)	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con khác	-	-	2.267.567.790
Số cuối năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	2.267.567.790
		(15.256.597)	1.506.871.469
		29.884.223.256	882.675.049.475
		2.792.556.996.134	2.792.556.996.134

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000

20.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.6 Lãi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	420.735.877.519	465.166.154.224
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi	(23.176.830.985)	(26.082.299.042)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	397.559.046.534	439.083.855.182
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	170.601.298	170.601.298
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.330	2.574
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.330	2.574

(Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

21. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	483.733.120.187	444.621.864.219
Lợi nhuận thuần trong năm	89.693.118.783	80.138.126.872
Tăng do góp thêm vốn vào công ty con	152.681.650.000	35.000.000.000
Tăng do mua công ty con	2.753.380.127	29.190.233.570
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	2.889.380.156
Giảm do thanh lý công ty con	-	(87.728.550.722)
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	(44.050.000.000)	(13.999.104.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.684.220.660)	(3.866.886.564)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	329.344.710	(480.270.985)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(9.481.421)	(1.912.225)
Khác	(2.596.912.500)	(2.029.760.134)
Số cuối năm	678.849.999.226	483.733.120.187

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	6.545.331.955.991	5.215.097.248.053
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	4.565.869.842.361	3.467.871.693.984
Doanh thu bán thành phẩm	1.973.280.686.381	1.747.156.431.530
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.136.251.335	-
Doanh thu bán phế liệu	45.175.914	69.122.539
Các khoản giảm trừ doanh thu	(13.638.419.501)	(10.612.742.721)
Hàng bán bị trả lại	(12.068.863.091)	(10.597.792.867)
Giảm giá hàng bán	(1.293.708.527)	(3.812.354)
Trợ cấp bán hàng	(275.847.883)	(11.137.500)
Doanh thu thuần	6.531.693.536.490	5.204.484.505.332
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	4.554.541.042.425	3.457.258.951.263
Doanh thu bán thành phẩm	1.970.971.066.816	1.747.156.431.530
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.136.251.335	-
Doanh thu bán phế liệu	45.175.914	69.122.539

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	61.462.707.355	60.047.142.157
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	17.892.002.296	9.495.151.172
Lãi trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	73.689.041	-
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	246.212.843.211
TỔNG CỘNG	79.428.398.692	315.755.136.540

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.881.801.687.970	2.923.515.389.618
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.540.929.891.320	1.311.884.463.499
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) hàng tồn kho	(474.164.392)	3.074.937.639
TỔNG CỘNG	5.422.257.414.898	4.238.474.790.756

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay ngân hàng	36.489.077.334	37.414.748.656
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.350.946.010	3.794.346.689
Lãi vay bên liên quan	14.619.232	-
TỔNG CỘNG	46.854.642.576	41.209.095.345

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	200.625.863.729	174.951.131.745
Chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi và môi giới	64.464.804.534	55.384.908.258
Chi phí vận chuyển	60.844.278.302	44.219.427.349
Chi phí lương	44.605.536.262	40.430.154.490
Khác	30.711.244.631	34.916.641.648
Chi phí quản lý doanh nghiệp	346.311.090.815	384.718.291.871
Chi phí lương	197.640.845.162	181.143.006.667
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	27.990.585.249	26.265.128.906
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất	21.971.222.960	21.768.100.732
Phân bổ lợi thế thương mại	-	54.695.468.714
Điều chỉnh phân bổ lợi thế thương mại năm trước	-	1.197.830.788
Khác	98.708.437.444	99.648.756.064
TỔNG CỘNG	546.936.954.544	559.669.423.616

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	6.718.596.683	8.557.571.882
Tiền bồi thường từ nhà cung cấp	3.607.881.864	3.630.075.408
Thu nhập từ việc xóa sổ các khoản phải trả	88.000.000	-
Bán phế liệu	72.097.727	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	4.010.006.959
Điều chỉnh lãi từ giao dịch mua rẻ năm trước	-	571.432.033
Khác	2.950.617.092	346.057.482
Chi phí khác	7.122.460.182	6.416.218.295
Chi phí thanh lý tài sản cố định	4.696.476.479	-
Phí bồi thường	11.140.302	415.934.318
Khác	2.414.843.401	6.000.283.977
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(403.863.499)	2.141.353.587

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	3.880.550.110,847	2.923.515.389.618
Chi phí mua nguyên vật liệu	1.338.064.814,046	1.105.383.701.601
Chi phí nhân công	312.827.484.597	300.049.899.362
Chi phí khấu hao và hao mòn	82.917.999.156	73.299.853.133
Phân bổ lợi thế thương mại	-	54.695.468.714
Điều chỉnh phân bổ lợi thế thương mại năm trước	-	1.197.830.788
Chi phí khác	354.833.960,796	340.002.071.156
TỔNG CỘNG	5.969.194.369.442	4.798.144.214.372

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con thành lập tại Việt Nam là 20% thu nhập chịu thuế.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho ACC PTE thành lập tại Singapore là 17% thu nhập chịu thuế và được hưởng các khoản ưu đãi thuế theo luật thuế hiện hành.

APIS được miễn thuế TNDN trong hai năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho APIS trong bốn năm tiếp theo đối với hoạt động sản xuất liên quan đến dự án đầu tư mới tại Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A. Trường hợp dự án đầu tư mới không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư kể từ năm dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu (năm 2020).

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động chính của AFI là 15% thu nhập chịu thuế trong mười hai năm đầu tiên kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2011) và theo mức thuế suất hiện hành trong các năm tiếp theo. Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động khác là 20% thu nhập chịu thuế. AFI được miễn thuế TNDN đối với các hoạt động chính trong ba năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2012), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho AFI trong bảy năm tiếp theo.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động chính của ACP là 17% thu nhập chịu thuế trong mười năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế (năm 2016) và theo mức thuế suất hiện hành trong các năm tiếp theo.

ACP được miễn thuế TNDN trong hai năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2018) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho bốn năm tiếp theo.

AHS được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với dự án Nhà máy chế biến tinh bột sắn tại mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế trong 15 năm. AHS được miễn thuế TNDN trong bốn năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2018) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho AHS trong chín năm tiếp theo. AHS có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất phổ thông hiện hành là 20% trên thu nhập chịu thuế từ bán các hoạt động khác.

Báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	99.049.464.790	138.816.661.510
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	<u>(11.634.628.918)</u>	<u>20.473.660</u>
	87.414.835.872	138.837.135.170
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(3.174.772.509)</u>	<u>(1.113.730.524)</u>
TỔNG CỘNG	<u>84.240.063.363</u>	<u>137.723.404.646</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>594.669.059.665</u>	<u>683.027.685.742</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	107.612.183.561	126.486.978.261
<i>Điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	5.808.666.278	5.569.588.134
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	2.336.510.076	(5.915.897.643)
Loại trừ giao dịch nội bộ	1.543.498.863	280.513.818
Khấu hao và hao mòn của tài sản được đánh giá lại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	892.248.749	2.297.110.020
Lỗ thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	326.919.915	10.602.933.758
Phân bổ lợi thế thương mại	-	11.064.373.494
Chênh lệch lợi nhuận từ thanh lý khoản đầu tư trong công ty con	-	3.424.615.188
Thay đổi thuế suất áp dụng	(224.908.308)	392.952.754
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(2.923.571.019)	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu	(11.634.628.918)	20.473.660
Thuế được miễn giảm của công ty con	(18.041.031.082)	(16.715.836.798)
Khác	<u>(1.455.824.752)</u>	<u>215.600.000</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>84.240.063.363</u>	<u>137.723.404.646</u>

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được trình bày báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch phát sinh do đánh giá lại tài sản từ hợp nhất công ty con	(23.572.160.252)	(25.502.530.345)	1.930.370.093	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	243.580.000	186.447.000	57.133.000	(2.520.000)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	473.788.597	200.757.260	273.031.337	120.749.563
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	-	-	520.062.706
Lãi chưa thực hiện	1.586.001.979	713.351.851	872.650.128	466.939.635
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	47.375.783	-	47.375.783	-
Chi phí phải trả	<u>36.035.368</u>	<u>37.145.200</u>	<u>(5.787.832)</u>	<u>8.498.620</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	<u>(21.185.378.525)</u>	<u>(24.364.829.034)</u>		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			<u>3.174.772.509</u>	<u>1.113.730.524</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(24.364.829.034)	(26.596.075.235)
Giảm (tăng) do mua công ty con	4.678.000	(1.424.043.787)
Giảm do thanh lý công ty con	-	2.541.559.464
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	<u>3.174.772.509</u>	<u>1.113.730.524</u>
Số cuối năm	<u>(21.185.378.525)</u>	<u>(24.364.829.034)</u>

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.4 Lỗi chuyển sang năm sau

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 liên tục năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế là 52.509.664.702 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 68.034.622.167 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Chưa chuyển lỗ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
AIG				
2018	2023	3.042.274.999 (*)	-	- 3.042.274.999
2019	2024	37.869.984.009 (*)	-	- 37.869.984.009
2020	2025	1.634.599.571 (*)	-	- 1.634.599.571
ACP				
2017	2022	17.067.597.278 (**)	17.067.597.278	-
2019	2024	16.867.514.854 (*)	10.178.087.790	- 6.689.427.064
AFC				
2017	2022	450.253.668 (*)	77.118.980	- 373.134.688
2018	2023	2.150.059.862 (*)	-	- 2.150.059.862
2019	2024	750.184.509 (*)	-	- 750.184.509
ARC				
2019	2024	57.112.645 (*)	57.112.645	-
TỔNG CỘNG		79,889,581,395	27.379.916.693	- 52.509.664.702

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(**) Lỗ thuế theo biên bản quyết toán thuế.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ thuế trị giá 52.509.664.702 VND do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Bên liên quan	Bán hàng hóa	986.482.677.863	908.812.695.759
		Mua dịch vụ gia công hàng hóa	33.329.301.111	63.250.242.184

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	61.302.651.200	90.718.569.800
		Mua hàng hóa	90.735.348.000	-
		Phạt vi phạm hợp đồng	1.600.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Hùng	Bên liên quan	Góp vốn	7.349.763.017	49.145.486.983

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Bên liên quan	Bán hàng hóa	125.896.026.231	166.658.980.097
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	51.145.856.800	42.748.284.800
			177.041.883.031	209.407.264.897

Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Bên liên quan	Tạm ứng	-	1.192.811.400
------------------------------	---------------	---------	---	---------------

Phải thu khác

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Bên liên quan	Đặt cọc thuê văn phòng	1.938.239.580	1.938.239.580
------------------------------	---------------	------------------------	---------------	---------------

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND		
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Bên liên quan	Mua hàng	231.415.825	9.139.197.984
Phải trả ngắn hạn khác				
Ông Nguyễn Việt Hùng	Bên liên quan	Tạm ứng góp vốn	-	14.145.486.983

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành được trình bày như sau:

		VND	
		Năm nay	Năm trước
Lương và lương mềm		2.176.000.000	2.882.000.000

30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG


Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm		18.900.833.833	17.547.733.972
Từ 1 đến 5 năm		15.758.489.180	24.128.438.389
Trên 5 năm		52.791.132.366	53.703.998.998
TỔNG CỘNG		87.450.455.379	95.380.171.359

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Vũ Minh Đức
Người lập


Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng




Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TRẦN VIỆT HÙNG